

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 và xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn thị xã Nghi Sơn

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

Thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công năm 2020, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, làm đình trệ các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Song được sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Thị ủy, HĐND, UBND thị xã, cùng với sự đồng lòng, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, nỗ lực cố gắng, vượt qua khó khăn, thử thách của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn thị xã, đa số các dự án được triển khai thực hiện đảm bảo kế hoạch, nhiều công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư. Công tác giải ngân vốn đầu tư được quan tâm, tạo điều kiện thanh toán cho nhà thầu để thực hiện thi công theo kế hoạch đề ra, kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác chuẩn bị đầu tư

UBND thị xã đã chỉ đạo ưu tiên thực hiện đối với các dự án quan trọng, cấp thiết phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, an sinh xã hội của địa phương và phù hợp với khả năng huy động nguồn lực. Trình tự đầu tư đảm bảo đúng quy định từ khâu lập kế hoạch đầu tư, công khai danh mục các dự án đầu tư, quy mô đầu tư, chuẩn bị mặt bằng thi công đến thực hiện các bước hồ sơ lựa chọn nhà thầu để tổ chức thực hiện.

2. Về triển khai thực hiện đầu tư

Thực hiện theo đúng quy định của Luật đầu tư công số 39, Luật xây dựng số 50 và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước

- Về quản lý chất lượng công trình xây dựng được triển khai thực hiện đầy đủ trong các khâu: Quản lý chất lượng khảo sát, quản lý chất lượng thiết kế xây dựng; quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo hành công trình.

- Các dự án được tăng cường giám sát chất lượng thi công thông qua đơn vị tư vấn giám sát và giám sát cộng đồng.

- Công tác đấu thầu, chỉ định thầu được triển khai thực hiện đảm bảo thủ tục theo các quy định tại Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và các quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng.

- Các công trình triển khai thi công cơ bản đảm bảo được tiến độ. UBND thị xã đã chỉ đạo các phòng, ban, các chủ đầu tư tăng cường quản lý nhà nước về

chất lượng và đẩy nhanh tiến độ thi xây dựng công trình.

3. Về khối lượng giá trị thực hiện

Năm 2020 trên địa bàn thị xã có 162 dự án đang triển khai thực hiện, trong đó có 34 dự án chuyển tiếp, 128 dự án đầu tư xây dựng mới. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 là: 668,8 tỷ đồng, thực hiện được 521,6 tỷ đồng, đạt 78% kế hoạch năm, bằng 132% so với cùng kỳ, cụ thể như sau:

3.1. Các dự án do UBND thị xã làm chủ đầu tư kế hoạch là: 303,42 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm được 315,6 tỷ đồng, đạt 71% kế hoạch năm

- Công trình dân dụng: Kế hoạch là 78,96 tỷ đồng, thực hiện được 75,9 tỷ đồng, đạt 96% kế hoạch;

- Công trình giao thông: Kế hoạch là 76,53 tỷ đồng, thực hiện được 59,5 tỷ đồng, đạt 78% kế hoạch;

- Công trình thủy lợi: Kế hoạch là 7,63 tỷ đồng, thực hiện được 7,63 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch;

- Các công trình dự án khác: Kế hoạch là 140,3 tỷ đồng, thực hiện được 72,55 tỷ đồng, đạt 52% kế hoạch.

3.2. Các dự án do xã, phường làm chủ đầu tư kế hoạch là: 365,4 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm được 306,08 tỷ đồng, đạt 84% kế hoạch.

- Công trình dân dụng: Kế hoạch là 111,8 tỷ đồng, thực hiện được 106,8 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch.

- Công trình giao thông: Kế hoạch là 69,93 tỷ đồng, thực hiện được 56,3 tỷ đồng, đạt 80% kế hoạch năm.

- Công trình thủy lợi: Kế hoạch là 43,26 tỷ đồng, thực hiện được 43,26 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch;

- Các công trình dự án khác: Kế hoạch là 140,4 tỷ đồng, thực hiện được 99,78 tỷ đồng, đạt 71% kế hoạch năm.

(Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm)

4. Công tác thanh quyết toán

4.1. Về công tác quyết toán dự án đầu tư hoàn thành

Tổng số công trình đã phê duyệt quyết toán 11 tháng đầu năm là 99 công trình, với tổng mức đầu tư được duyệt là 201 tỷ đồng, giá trị nghiệm thu quyết toán A-B là 188 tỷ đồng, qua thẩm định quyết toán đã điều chỉnh giảm so với giá trị dự toán là 16 tỷ đồng và giảm so với quyết toán A-B là 3,4 tỷ đồng; Công tác quyết toán thực hiện đúng theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

4.2. Về thanh toán vốn đầu tư

Căn cứ kế hoạch giao vốn đầu tư theo Nghị quyết của HĐND thị xã phê chuẩn và nguồn vốn chương trình mục tiêu tỉnh giao năm 2020 là: 580,647 tỷ đồng, giải ngân được 495 tỷ đồng, đạt 85 % kế hoạch, trong đó:

- Nguồn ngân sách TW, ngân sách tỉnh giao kế hoạch năm 2020 là: 259,927 tỷ đồng, giải ngân được: 199,927 tỷ đồng, đạt 76,9% kế hoạch.

- Ngân sách cấp huyện kế hoạch giao là: 201,91 tỷ đồng, giải ngân được 188 tỷ đồng, đạt 88% kế hoạch;

- Nguồn vốn ngân sách cấp xã kế hoạch là: 118,81 tỷ đồng, giải ngân

được 107 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch.

5. Về kết quả xử lý nợ đọng

- Tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31/12/2019 nợ phải trả từ nguồn ngân sách TW, NS tỉnh, NS cấp huyện và NS cấp xã là: 82,493 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách TW, NS tỉnh nợ là: 33,463 tỷ đồng, Ngân sách thị xã nợ: 37,86 tỷ đồng, ngân sách cấp xã nợ: 11,17 tỷ đồng.

- Đã xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản là: 66,903 tỷ đồng, trong đó: NSTW, NS tỉnh là: 27,81 tỷ đồng, NS thị xã là: 34,808 tỷ đồng và NS cấp xã là: 4,285 tỷ đồng;

- Tỷ lệ xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản đạt 81% so với kế hoạch;

- Số nợ đọng năm 2019 chuyển sang còn phải giải quyết là: 15,59 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh còn nợ là: 5,653 tỷ đồng, ngân sách thị xã nợ là: 3,052 tỷ đồng và ngân sách xã, phường còn nợ đọng năm 2019 chuyển sang chưa có nguồn thanh toán là: 6,884 tỷ đồng.

Đánh giá chung: Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự nỗ lực và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự hỗ trợ của tỉnh và chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Thị ủy, HĐND, UBND thị xã, cùng với sự đồng lòng, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực cố gắng, vượt qua khó khăn, của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công đã đạt được những kết quả tích cực; Huy động vốn đầu tư trên địa bàn cao hơn so với năm trước; Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công được các chủ đầu tư quan tâm thực hiện, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật; Tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công cao hơn so với cùng kỳ 32%; Nhiều dự án được ban giao đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư.

II. NHỮNG HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

2.1. Hạn chế

- Tỷ lệ giải ngân còn đạt thấp so với kế hoạch, trong đó có 02 dự án trọng điểm nhóm B được giao kế hoạch năm 2020 là: 60 tỷ đồng; Hiện nay, các dự án đang thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư, do đó chưa thực hiện việc giải ngân kế hoạch vốn được giao.

- Tình hình nợ đọng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách thị xã và ngân sách xã, phường đã được quan tâm xử lý nhưng vẫn còn nợ, nhiều dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng nhưng thiếu vốn để thanh toán cho đơn vị thi công.

- Công tác bồi thường GPMB ở một số dự án còn vướng mắc, chưa được giải quyết kịp thời.

2.2. Nguyên nhân của hạn chế

- Công tác tổ chức thực hiện Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các văn bản liên quan đến quản lý đầu tư một số chủ đầu tư, Ban quản lý dự án trong thời gian đầu nên còn lúng túng.

- Công tác quản lý và giám sát về tiến độ, chất lượng chưa thường xuyên.

- Một số dự án phải thực hiện lập điều chỉnh hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi để trình thẩm định, phê duyệt lại theo chế độ, chính sách mới quy định tại Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng và các Thông tư hướng dẫn mới về quản lý đầu tư xây dựng, nên dẫn đến chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra.

- Công tác đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện chậm do đó nguồn vốn chi cho đầu tư xây dựng còn khó khăn.

- Nguyên nhân Tỷ lệ giải ngân đạt thấp do trong đó có 02 dự án trọng điểm nhóm B được giao kế hoạch vốn năm 2020 là: 60 tỷ đồng, chưa giải ngân được là Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn và Dự án khu neo đậu tàu thuyền phục vụ tái định cư xã Hải Hà. Nguyên nhân chủ yếu không giải ngân được do đây là 02 dự án trọng điểm nhóm B, có quy mô lớn, tính chất kỹ thuật phức tạp. Việc triển khai các bước chuẩn bị đầu tư phải thực hiện theo đúng quy định và trình tự yêu cầu như: Khảo sát, thiết kế 02 bước, công tác lựa chọn đơn vị Tư vấn lập dự án và tư vấn thiết kế thi công phải tổ chức đấu thầu 02 lần theo quy định; việc lựa chọn nhà thầu TVTK theo quy trình đấu thầu 01 túi hồ sơ 02 giai đoạn chiếm nhiều thời gian, đồng thời do ảnh hưởng đại dịch Covid-19 các tháng đầu năm nên không tổ chức sớm được các cuộc hội nghị lấy ý kiến của cộng đồng dân cư về địa điểm, quy hoạch,... theo quy trình. Theo đó đã ảnh hưởng lớn tới tiến độ dự án.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

I. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ

1. Mục tiêu

- Xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021 theo Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn của Nhà nước, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của thị xã. Theo đó, gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư công với việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

- Chủ động khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn đầu tư đảm bảo tập trung, đúng mục tiêu và đúng thời gian hoàn thành dự án theo quy định.

2. Nguyên tắc phân bổ

- Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2021 phù hợp với khả năng nguồn vốn đầu tư. Tập trung bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng có ảnh hưởng lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

- Bố trí vốn cho các dự án, công trình đã hoàn thành quyết toán.

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, quy mô đầu tư phù hợp với mục tiêu và khả năng cân đối vốn.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới năm 2021 thực sự cần thiết và đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

- Xây dựng và phân bổ vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án đã được phê chuẩn theo hướng lồng ghép, sử dụng nguồn

vốn được giao để thực hiện các mục tiêu chung của các chương trình, bảo đảm sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả.

3. Phương án phân bổ

3.1. Nguồn vốn đầu tư: 323 tỷ đồng, trong đó: Từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách năm 2021 là: 312,15 tỷ đồng; nguồn thu tiền đất tái định cư 3,85 tỷ đồng và nguồn sự nghiệp kinh tế là: 7 tỷ đồng.

3.2. Tổng kinh phí phân bổ: 308 tỷ đồng.

3.2.1. Các dự án do thị xã làm chủ đầu tư: 182,571 tỷ đồng, trong đó:

- Dự án hoàn thành đã quyết toán: 20,261 tỷ đồng;
- Dự án hoàn thành chưa quyết toán là: 13,85 tỷ đồng;
- Dự án chuyển tiếp sang năm 2021 thực hiện là: 30,35 tỷ đồng;
- Dự án đầu tư mới năm 2021 là: 116,71 tỷ đồng;
- Dự án chuẩn bị đầu tư là: 1,4 tỷ đồng.

3.2.2. Dự án xã, phường làm chủ đầu tư: 81,474 tỷ đồng, trong đó:

- Dự án hoàn thành đã quyết toán: 7,903 tỷ đồng;
- Dự án hoàn thành chưa quyết toán là: 6,981 tỷ đồng;
- Dự án chuyển tiếp sang năm 2021 thực hiện là: 7,13 tỷ đồng;
- Dự án đầu tư mới năm 2021 là: 59,46 tỷ đồng;

3.2.3. Các dự án chương trình, mục tiêu của thị xã: 43,955 tỷ đồng.

3.3. Dự phòng đầu tư: 15 tỷ đồng

(Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

1. Nhiệm vụ

Đề hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021; công nhận 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị, đảm bảo cơ sở vật chất sự nghiệp giáo dục...đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2021 các đơn vị cần tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1.1. Các đơn vị được giao làm chủ đầu tư: Tập trung kiểm tra, rà soát các dự án đang thi công dở dang năm 2020 đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành dự án bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng hợp đồng đã ký kết; các dự án đầu tư mới năm 2021, hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục đầu tư, tổ chức lựa chọn đơn vị thi công ngay từ các tháng đầu năm 2021 để thi công đảm bảo đúng theo kế hoạch đề ra. Tập trung chỉ đạo quyết liệt các dự án trọng điểm nhóm B, dự án hạ tầng tái định cư ... và dự án xây dựng nông thôn mới tại 02 xã Các Sơn và Thanh Sơn. Khẩn trương triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giải ngân kịp thời theo kế hoạch vốn được giao.

1.2. Tập trung chỉ đạo các chủ đầu tư hoàn tất các hồ sơ quyết toán các dự án hoàn thành, không để tình trạng chậm quyết toán, tồn đọng kéo dài. Các chủ đầu tư rà soát, xác định cụ thể số nợ đọng của các dự án, đề xuất phương án huy động vốn để thanh toán nợ đầu tư xây dựng theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 14/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng

cơ bản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Các phòng, ban thị xã, UBND các xã, phường, các chủ đầu tư căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 của thị xã, của xã, phường rà soát lại các dự án cần thiết phải đầu tư, các dự án quan trọng, cấp thiết phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội của địa phương và phù hợp với khả năng huy động nguồn lực để xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, đề trình HĐND thị xã phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vào kỳ họp giữa năm 2021.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Về công tác huy động nguồn lực

Tập trung các giải pháp huy động các nguồn lực đầu tư. Trong đó tập trung thực hiện Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2021. Tăng cường công tác thu tiền đất tái định cư để có nguồn vốn giải ngân cho đầu tư theo kế hoạch giao đầu năm, đồng thời huy động bằng các nguồn lực hợp pháp khác để giải ngân cho các dự án.

2.2. Về lãnh đạo, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thị xã

Các cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư cần tập trung thực hiện tốt những nội dung sau:

- Một là: Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện dự án; chủ động phối hợp với các ban, ngành cấp tỉnh, các phòng, ban, đơn vị có liên quan giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho nhà thầu, nhất là mặt bằng thi công ..; phối hợp với nhà thầu rà soát tiến độ thi công của từng dự án, lập kế hoạch chi tiết về tiến độ thực hiện và giám sát thực hiện.

+ Phối hợp với UBND các xã, phường tập trung chỉ đạo, giải quyết kịp thời những vướng mắc trong công tác GPMB để bàn giao mặt bằng sạch cho các dự án. Đối với các dự án được giao khởi công mới, ưu tiên vốn cho công tác giải phóng mặt bằng.

+ Đôn đốc nhà thầu tập trung huy động máy móc, thiết bị, nhân lực, áp dụng các giải pháp thi công phù hợp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; không đề xuất cho các nhà thầu gia hạn tiến độ thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng; kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật đối với các nhà thầu năng lực yếu kém làm chậm tiến độ, vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án có trách nhiệm xem xét, chấm dứt hợp đồng, báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép lựa chọn nhà thầu khác để thực hiện.

- Hai là: Phòng Tài chính - Kế hoạch thường xuyên phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan nắm bắt tình hình, tiến độ thực hiện dự án theo từng loại nguồn vốn, từng lĩnh vực, chương trình, dự án để kịp thời đề xuất với Chủ tịch UBND thị xã giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ dự án. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị quản lý dự án lập hồ sơ,

thủ tục thanh toán, quyết toán vốn đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành. Rà soát, thống kê và đề xuất xử lý các chủ đầu tư, các đơn vị quản lý dự án chậm trễ trong việc hoàn tất hồ sơ quyết toán các dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của Chủ tịch UBND thị xã. Tham mưu cho UBND thị xã: Không giao dự án cho chủ đầu tư có dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên theo thời gian về quy định lập báo cáo quyết toán; không bố trí vốn cho dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 12 tháng trở lên mà không phải do nguyên nhân khách quan.

- Ba là: UBND xã, phường tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án đầu tư trên địa bàn; chủ động giải quyết những vướng mắc trong công tác kiểm kê, bồi thường giải phóng mặt bằng để bàn giao mặt bằng sạch cho dự án.

2.3. Về tăng cường công tác quản lý, sử dụng vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công

- Các Chủ đầu tư, ban quản lý dự án có trách nhiệm: Quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, nhất là quản lý vốn ứng, đảm bảo không để xảy ra lãng phí, thất thoát vốn đầu tư. Thường xuyên rà soát và có kế hoạch giải ngân cụ thể đối với từng dự án, gói thầu; trường hợp dự kiến khả năng không giải ngân hết kế hoạch vốn, các chủ đầu tư báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp, trình Chủ tịch UBND thị xã xem xét, điều chỉnh vốn cho các dự án khác có tiến độ thi công nhanh nhưng còn thiếu vốn. Tăng cường đôn đốc các nhà thầu nghiệm thu, lên phiếu giá khối lượng hoàn thành để thanh toán và hoàn ứng theo quy định:

+ Đối với các dự án khởi công mới năm 2021: Chỉ cho nhà thầu ứng vốn khi có bảo lãnh tạm ứng và có văn bản cam kết mục đích sử dụng vốn ứng, thời gian hoàn ứng, kèm theo bảng kê chi tiết nội dung, khối lượng, đơn giá nguyên vật liệu tương ứng so với vốn ứng; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát sử dụng vốn ứng.

+ Rà soát, lập danh sách các nhà thầu sử dụng vốn ứng không đúng mục đích, không hoàn ứng theo đúng thời gian quy định, ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả của dự án, đề xuất UBND thị xã không cho phép đấu thầu các dự án mới trên địa bàn thị xã, báo cáo Chủ tịch UBND thị xã để có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

- Phòng Quản lý đô thị, UBND các xã, phường, các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao về tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình trên địa bàn thị xã; xử lý nghiêm hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý các chủ đầu tư, nhà thầu vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Giao phòng Quản lý đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan, tổ chức tập huấn, hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng cho UBND các xã, phường và các chủ đầu tư. Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chức năng kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình, kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử

dụng theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các Luật, Nghị định, văn bản quy định khác liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng. Kiên quyết xử lý những vi phạm trong quản lý đầu tư xây dựng.


2.5. Về công tác thanh tra, giám sát: Tăng cường công tác thanh tra, giám sát việc quản lý dự án đầu tư đối với các dự án do các xã, phường, các Ban quản lý dự án làm chủ đầu tư; kiểm điểm trách nhiệm và xử lý theo quy định những sai phạm trong đầu tư xây dựng nhằm nâng cao trách nhiệm của các chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án. Thực hiện có hiệu quả hình thức giám sát cộng đồng, công khai, dân chủ trong quản lý nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, chống lãng phí, thất thoát.

Năm 2021, UBND thị xã yêu cầu các phòng, ban, đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư, khai thác sử dụng các nguồn lực kịp thời, hiệu quả góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã năm 2021./.

Nơi nhận:

- Thường trực HU, HĐND, UBND thị xã (B/c);
- Ban Kinh tế - xã hội HĐND thị xã;
- Các đại biểu HĐND thị xã;
- Các phòng, Ban, ngành liên quan;
- UBND các xã, phường;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH DO THỊ XÃ, CÁC XÃ, CÁC PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ NĂM 2020
(Đính kèm báo cáo số 1580/BC-UBND ngày 16/12/2020 của UBND thị xã Nghi Sơn)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư	Trong đó			Lũy kế KL hực hiện đến 31/12/2019	Kế hoạch đầu tư năm 2020	Ước TH 12 tháng đầu năm 2020	Tỷ lệ % so với KH	Ghi chú
			Khởi công	Hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS thị xã	xã, phường					
*	TỔNG CỘNG	162			1,827,568	1,232,888	243,553	127,997	202,807	668,820	521,661	78	
A	CÁC CÔNG TRÌNH THỊ XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	46			1,302,498	1,102,568	167,380	0	108,388	303,421	215,581	71	
I	Công trình dân dụng	20			101,618	60,492	40,176	0	8,840	78,957	75,889	96	
a	Công trình chuyển tiếp	2			12,040	0	12,040	0	8,840	3,200	3,200	100	
1	Nhà lớp học 2 tầng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2019	3/2020	2,490		2,490		1,200	1,290	1,290	100	Hoàn thành
2	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tĩnh Gia 5 (cũ) thành trường Tiểu học và Trung học cơ sở chất lượng cao Lương Chí, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2019	2019	9,550		9,550		7,640	1,910	1,910	100	Hoàn thành
b	Công trình đầu tư mới	18			89,578	60,492	28,136	-	-	75,757	72,689	96	
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc UBND huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	8,028	5,000	3,028		-	8,028	8,028	100	Hoàn thành
2	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm hội nghị huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	4,075		4,075		-	4,075	4,075	100	Hoàn thành
3	Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2021	5,617	4,400	1,217		-	3,080	3,080	100	Đang thi công, đảm bảo tiến độ
4	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2021	5,364	3,850	1,514		-	2,695	2,426	90	Đang thi công, đảm bảo tiến độ
5	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2021	6,493	4,550	1,943		-	3,185	2,867	90	Đang thi công, đảm bảo tiến độ

6	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Khu A và nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Khu B Trường Tiểu học xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2021	5,337	3,700	1,637				-	2,590	2,331	90	Đang thi công, đảm bảo tiến độ
7	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Mầm non xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2021	4,940	3,400	1,540				-	2,380	2,142	90	Đang thi công, đảm bảo tiến độ
8	Nâng cấp hệ thống thu phát sóng và cơ sở vật chất Đài thanh - Truyền hình huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	1,700		1,700				-	1,700	1,700	100	Hoàn thành
9	Sửa chữa công, tường rào các cơ quan Huyện ủy, UBND, khối đoàn thể: Nhà làm việc các hội huyện Tĩnh Gia và sửa chữa đài phun nước trong các cơ quan Huyện ủy	Thị ủy làm chủ đầu tư	2020	2020	2,280		2,280				-	2,280	2,280	100	Hoàn thành
10	Sửa chữa, làm mới phòng họp Ban Thường vụ Huyện ủy, phòng họp không giấy tại tầng 2 nhà truyền thống Huyện ủy Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	3,502		3,502				-	3,502	3,502	100	Hoàn thành
11	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc và cửa hàng giới thiệu thực phẩm an toàn của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	1,700		1,700				-	1,700	1,100	65	Đang thi công, đảm bảo tiến độ
12	Sửa chữa, thay thế hệ thống đèn công chào phía Bắc, phía Nam và hệ thống đèn lét dọc tuyến đường vào cơ quan huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	4,000		4,000				-	4,000	4,000	100	Hoàn thành
13	Trường tiểu học xã Tân Trượng, huyện Tĩnh Gia, phục vụ GPMB thực hiện dự án XD đường cao tốc Bắc - Nam phía đông đoạn qua tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	14,880		14,880				-	14,880	14,136	95	Nguồn hoàn trả
14	Trường mầm non xã Tân Trượng, huyện Tĩnh Gia, phục vụ GPMB thực hiện dự án XD đường cao tốc Bắc - Nam phía đông đoạn qua tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	12,780		12,780					12,780	12,141	95	Nguồn hoàn trả

15	Nhà văn hóa thôn Trường Thanh, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, phục vụ GPMB thực hiện dự án XD đường cao tốc Bắc - Nam phía đông đoạn qua tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	1,781	1,781			1,781	1,781	100	Nguồn hoàn trả	
16	Khu tập luyện thể thao xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, phục vụ GPMB thực hiện dự án XD đường cao tốc Bắc - Nam phía đông đoạn qua tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	2,270	2,270			2,270	2,270	100	Nguồn hoàn trả.	
17	Chợ Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, phục vụ GPMB thực hiện dự án XD đường cao tốc Bắc - Nam phía đông đoạn qua tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	3,881	3,881			3,881	3,881	100	Nguồn hoàn trả	
18	Chợ Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, phục vụ GPMB thực hiện dự án XD đường cao tốc Bắc - Nam phía đông đoạn qua tỉnh Thanh Hóa	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	2020	2020	950				950	950	100	Hoàn thành NS thị xã	
II	Công trình Giao thông	11			134,527	64,983	67,808	-	481	76,527	59,514	78	
a	Công trình chuyển tiếp				-				-	-	-		
b	Công trình đầu tư mới	11			134,527	64,983	67,808	-	481	76,527	59,514	78	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào bệnh viện Đa khoa khu vực Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	4,182		2,927			4,182	2,500	60	NS huyện 70%, đối ứng của Bệnh viện, CT đang lựa chọn đơn vị thi công
2	Công trình: Đoạn tuyến đường GTNT từ Ban Quản lý hồ Hao Hao đến đường cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn, thôn 8, xã Định Hải, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	3,075		3,075			3,075	3,000	98	Hoàn thành
3	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường số 7 xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia (đoạn từ ngã ba giao đường Bắc Nam 3 đi UBND xã Tĩnh Hải).	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	1,457		1,457			1,457	1,400	96	Hoàn thành
4	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường GT từ QL 1A đi UBND xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	2,439		2,439			2,439	2,400	98	Hoàn thành

5	Cải tạo, sửa chữa đoạn đường GT từ ngã ba Trung tâm xã Phú Lâm đi dốc Bù Đá, xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia.	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	5,763		5,763			5,763	5,720	99	Hoàn thành	
6	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	950		950			950	868	91	Hoàn thành đã phê duyệt QT	
7	Mở rộng tuyến đường C-C3, Khu du lịch Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2021	98,000	50,000	48,000		-	40,000	25,000	63	Đã lựa chọn thầu xây dựng	
8	Đường kết nối từ đường hiện có (đường 2B) với cụm công trình hoàn trả xã Tân Trường phục vụ GPMB đường cao tốc bắc nam đoạn qua huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	10,983	10,983			-	10,983	10,983	100	Nguồn hoàn trả	
9	Cải tạo, sửa chữa đoạn tuyến đường GT từ thôn Lương Bình, xã Tùng Lâm đến đường Nghi Sơn- Bãi Trành, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	1,780		1,780			1,780	1,780	100	Hoàn thành	
10	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường giao thông từ QL 1A đi đê cồn Sung xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	5,417	4,000	1,417			5,417	5,382	99	Tinh hỗ trợ từ quỹ bảo trì đường bộ 4 tỷ	
11	Sửa chữa, khắc phục khẩn cấp các hư hỏng mặt đường đảm bảo TGT tuyến đường tỉnh lộ 512 đoạn thuộc địa bàn thị xã Tĩnh Gia	Hạt giao thông	2020	2020	481				481	481	481	100	Hoàn thành đã phê duyệt QT	
III	Công trình thủy lợi	2			15,645				-	7,632	7,630	100		
a	Công trình chuyển tiếp				-				-	-	-			
b	Công trình đầu tư mới	2	0	0	15,645	10,800	4,845	0	0	7,630	7,630	100		
1	Nạo vét, kiên cố hoá tuyến kênh tiêu sông Cẩm Lệ (đoạn từ QL1A đến cầu vào nghĩa trang Cồn Phớn), xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	2,657		2,657			-	2,500	2,500	100	Hoàn thành
2	Đầu tư khẩn cấp trạm bơm tiêu úng cho sản xuất lúa 02 vụ xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2021	12,988	10,800	2,188			5,130	5,130	100		
IV	Công trình khác	13			1,050,708	977,093	59,396	-	99,067	140,305	72,548	52		
a	Công trình chuyển tiếp	5			144,268	103,000	27,049	-	99,067	27,365	22,705	83		

1	Cải tạo, sửa chữa Đài tưởng niệm và các công trình phụ trợ thuộc Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Ban QLDAĐT thị xã	2018	2019	5,179	3,500	1,679	0	4,550	629	629	100	Hoàn thành
2	Mở rộng khu di tích lịch sử cách mạng Tân Dân, huyện Tĩnh Giá	Ban QLDAĐT thị xã	2019	2020	1,870	0	1,870	0	0	1,870	530	28	
3	Di chuyển đường ống nước thuộc tiểu DA GPMB thực hiện dự án Đường từ QL1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi Cảng Nghi Sơn	Ban QLDAĐT thị xã	2017	2018	14,219				9,953	4,266	4,266	100	Hoàn thành
4	Xây dựng đường hầm Huyện ủy Tĩnh Gia trong căn cứ hầu phường	Ban chỉ huy quân sự	2016	2020	23,500		23,500		1,664	4,000	4,000	100	
5	Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2017	2019	99,500	99,500			82,900	16,600	13,280	80	Chưa thi công tiếp do vướng mặt bằng
b	Công trình đầu tư mới	9			906,440	874,093	32,347	-	-	112,940	49,843	44	
1	Kinh phí đóng cửa bãi rác thải Thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA kiêm nhiệm	2020	2020	500		500		-	500	500	100	Dự kiến hoàn thành
2	Nâng cấp, sửa chữa Khu tái định cư và dân cư Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	14,700		14,700		-	7,000	1,400	20	
3	Hệ thống điện chiếu sáng đường liên phường Hải Hòa đi phường Hải Thanh, thị xã Nghi Sơn (2km)	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	2,292		2,292		-	2,292	2,292	100	Hoàn thành
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Phú Lâm, huyện Tĩnh Gia, phục vụ GPMB dự án đường cao tốc bắc nam đoạn qua huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	7,999	7,999				7,999	7,999	100	Nguồn hoàn trả. Hoàn thành
5	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, phục vụ GPMB dự án đường cao tốc bắc nam đoạn qua huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	9,827	9,827				9,827	9,827	100	Nguồn hoàn trả. Hoàn thành
6	Khu tái định cư xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia phục vụ GPMB công trình đường dây 500Kv đấu nối nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào hệ thống điện Quốc Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	14,855		14,855		-	14,855	14,855	100	Nguồn thu tiền đất tái định cư. Hoàn thành

7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia, phục vụ GPMB dự án đường cao tốc bắc nam đoạn qua huyện Tĩnh Gia	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2020	6,967	6,967				6,967	6,620	95	Nguồn hoàn trả. Đang thi công
8	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (theo Nghị quyết số 205/NQ-HĐND tỉnh ngày 16/10/2019)	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2023	780,000	780,000				42,500	4,250	10	Đang trình phê duyệt dự án
9	Dự án khu neo đậu tàu thuyền phục vụ di dân tái định cư xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia (theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND tỉnh ngày 16/10/2019)	Ban QLDAĐT thị xã	2020	2025	69,300	69,300				21,000	2,100	10	Đang trình phê duyệt dự án
B	CÁC CÔNG TRÌNH CẤP XÃ LÂM CHỦ ĐẦU TƯ	116			525,070	130,320	76,172	127,997	94,419	365,400	306,080	84	
I	Công trình dân dụng	49			151,405	42,950	38,896	63,920	20,668	111,832	106,753	95	
a	Công trình chuyên tiếp	13			59,626	21,900	16,256	15,831	18,768	40,822	40,396	99	
1	Xây dựng trường mầm non cơ sở 2 xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia	xã Hải Nhân	2019	2020	6,940		3,470	3,470	5,200	1,740	1,740	100	Hoàn thành
2	Xây dựng các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia	P. Mai Lâm	2019	2020	2,850		2,000	850	995	1,855	1,855	100	Hoàn thành
3	Công sở xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia	P. Hải Thượng	2019	2020	5,518		5,000	518	900	4,618	4,618	100	Hoàn thành
4	Trường Mầm Non xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	xã Các Sơn	2018	2019	5,640				560	5,080	5,080	100	Hoàn thành
5	Trường mầm non Ngọc Lĩnh (Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng)	xã Ngọc Lĩnh	2017	2018	1,890		700	1,190	470	1,420	994	70	Đang thi công
6	Công trình: Trường mầm non 2 tầng 6 phòng xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Trường Lâm	08/2017	06/2018	3,510		1,750	1,760	2,980	530	530	100	Hoàn thành
7	Nhà hội trường 300 chỗ xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia	xã Thanh Sơn	5/2019	2019	3,671		1,836	1,836	1,652	2,019	2,019	100	Hoàn thành
8	Nhà hiệu bộ và công trình phụ trợ trường Mầm non xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia.	P. Hải Lĩnh	8/2019	01/2020	3,067		1,500	1,567	307	2,760	2,760	100	
9	Trung tâm văn hóa xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia (250 chỗ)	P. Hải Lĩnh	2019	2020	5,000	4,500		500	1,500	3,500	3,500	100	NTM Hoàn thành
10	Nhà văn hóa đa năng xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia	P. Tân Dân	2019	2020	7,040	4,400		2,640	704	6,300	6,300	100	NTM Hoàn thành

11	Trường mầm non xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	xã Nghi Sơn	2019	2020	5,000	5,000			1,000	4,000	4,000	100	NTM đang hoàn thiện
12	Trung tâm văn hóa xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	P. Hải Thanh	2019	2020	4,500	3,500		1,000	1,000	3,500	3,500	100	NTM đang thi công
13	Xây mới trung tâm văn hóa xã Tân Trường (250 chỗ)	xã Tân Trường	2019	2020	5,000	4,500		500	1,500	3,500	3,500	100	NTM Hoàn thành
b	Công trình đầu tư mới	36			91,779	21,050	22,640	48,089	1,900	71,010	66,357	93	
1	Duy tu sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường THCS Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia	xã Tĩnh Hải	2020	2020	802	700	0	102	0	802	802	100	Đã phê duyệt quyết toán
2	Trạm y tế xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia	xã Hải Nhân	2020	2020	4,494		600	3,894	0	4,450	4,450	100	Hoàn thành
3	Khuôn viên trường tiểu học xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia	xã Hải Nhân	2020	2020	5,646			5,646	0	5,500	5,500	100	Hoàn thành
4	Nhà hiệu bộ Trường THCS xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn	xã Hải Nhân	2020	2020	2,703			2,703	0	2,703	2,300	85	
5	Xây dựng nhà văn hóa thôn Song xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia (30% NS huyện)	xã Các Sơn	2020	2020	1,000		300	700	0	1,000	1,000	100	Hoàn thành đưa vào sử dụng
6	Nhà hiệu bộ trường THCS xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (NS huyện hỗ trợ 50%)	P. Hải Ninh	2020	2020	3,149		1,570	1,579	0	2,350	1,500	64	Đang thi công, đảm bảo tiến độ
7	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THCS xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia	P. Mai Lâm	2020	2020	950		950		0	950	950	100	Hoàn thành
8	Trường mầm non xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, hạng mục: Nhà lớp học 2T-10P và các hạng mục phụ trợ (huyện hỗ trợ 50% XL nhà 2T.10P)	P. Hải Châu	2020	2020	8,909		3,500	5,409	0	8,000	6,800	85	Đang thi công, đảm bảo tiến độ
9	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia	P. Xuân Lâm	2020	2020	6,000		1,800	4,200		6,000	4,500	75	Đang thi công
10	Nhà văn hóa thôn Sa Thôn, xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia	P. Xuân Lâm	2020	2020	1,100		550	550		1,100	1,100	100	Hoàn thành
11	Trường mầm non xã Trúc Lâm, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	P. Trúc Lâm	2020	2021	4,700		1,400	3,300		2,500	1,800	72	Đang thi công
12	Trường tiểu học xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia, Nhà chức năng kết hợp các phòng học 02 tầng 10 phòng	xã Thanh Sơn	2020	2020	5,700		3,000	2,700		3,600	3,600	100	Hoàn thành

13	Trường Mầm non xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	xã Thanh Thủy	2020	2020	6,000		1,800	4,200		5,610	5,610	100	Hoàn thành
14	Nhà văn hóa thôn Đại Đồng, xã Phú Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Phú Lâm	2020	2020	286		250	36		250	250	100	Hoàn thành
15	Sửa chữa, cải tạo Trường THCS xã Phú Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Phú Lâm	2020	2020	1,100		770	330		770	770	100	Hoàn thành
16	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia (phục vụ cho công tác khám nghĩa vụ Quân sự hàng năm)	xã Hải Yến	2020	2020	250		150	100		250	250	100	Hoàn thành
17	Trường tiểu học và THCS xã Hải Yến, hạng mục: Tôn sân trường, nâng cấp, cải tạo khuôn viên, hệ thống rãnh thoát nước (CT 257.2020)	xã Hải Yến	2020	2020	1,426	1,213	0	213	0	1,213	1,213	100	CT 257.2020. Hoàn thành
18	Trường mầm non Hải Hà và đường giao thông từ nhà ông Quyền đến nhà ông Thuận hà Bắc, xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn	xã Hải Hà	2020	2020	1,213	1,213	0	0	0	1,213	1,213	100	CT 257.2020. Hoàn thành
19	Xây mới nhà bảo vệ, nhà vệ sinh học sinh, khuôn viên và các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia	xã Ngọc Lĩnh	2020	2020	460		300	160		460	460	100	Hoàn thành
20	Phòng học và các công trình phụ trợ Trường tiểu học Phú Sơn, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và nhà bảo vệ	xã Phú Sơn	2020	2020	1,664	955	0	709	0	955	955	100	CT 135 đang thi công
21	Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng trường tiểu học Hải Hòa	P. Hải Hòa	2020	2020	6,431	1,213	0	5,218	0	1,213	1,213	100	CT 257
22	Xây dựng khuôn viên, đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Ninh Hải, thị xã Nghi Sơn	P. Ninh Hải	2020	2020	1,215			1,215	0	1,215	1,215	100	Hoàn thành
23	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Hải Lĩnh, phường Hải Lĩnh, thị xã Tĩnh Gia (CT 257. 2020).	P. Hải Lĩnh	2020	2020	3,800	1,895	0	1,905	0	1,895	1,895	100	CT 257. 2020.
24	Xây dựng công sở xã Định Hải, huyện Tĩnh Gia	xã Định Hải	2020	2021	7,000		4,900	2,100	1,900	1,900	1,900	100	NS thị xã 70/30
25	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hồng Quang, xã Định Hải	xã Định Hải	2020	2020	1,250	0	800	450	0	1,250	1,250	100	BSXD NTM. Hoàn thành
26	Nhà văn hóa đa năng xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Phú Sơn	2020	2021	5,000	4,700		300	0	4,700	4,700	100	CTMTQG XDNTM

27	Xây dựng nhà lớp học chức năng trường tiểu học Hải Lĩnh	P. Hải Lĩnh	2020	2021	5,470	5,100		370	0	5,100	5,100	100	CTMTQG XDNTM
28	Trường Mầm non xã Hải Hà, hạng mục: Nhà tạm phòng họp giáo viên	xã Hải Hà	2020	2020	166	166				166	166	100	CTMTQG GNBV
29	Sửa chữa nâng cấp nhà văn hóa thôn Hà Nam, xã Hải Hà	xã Hải Hà	2020	2020	213	213				213	213	100	CTMTQG GNBV
30	Nhà lớp học 2 tầng, 6 phòng Trường tiểu học Hải Hòa, Thị trấn	P. Hải Hòa	2020	2020	642	642				642	642	100	CTMTQG GNBV
31	Nhà Văn hóa thôn Thượng Nam, phường Hải Thanh; Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa, xây mới nhà kho, khu vệ sinh, khuôn viên	P. Hải Thanh	2020	2020	642	642				642	642	100	CTMTQG GNBV
32	Trường mầm non Hải Thượng, xã Hải Thượng, hạng mục: Nhà hiệu bộ	P. Hải Thượng	2020	2020	471	471				471	471	100	CTMTQG GNBV
33	Trường mầm non Nghi Sơn, xã Nghi Sơn, hạng mục: Nhà hiệu bộ	xã Nghi Sơn	2020	2020	547	547				547	547	100	CTMTQG GNBV
34	Trường mầm non Nghi Sơn, xã Nghi Sơn, hạng mục: Tường rào	xã Nghi Sơn	2020	2020	96	96				96	96	100	CTMTQG GNBV
35	Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng Trường THCS Hải Lĩnh, xã Hải Lĩnh	P. Hải Lĩnh	2020	2020	642	642				642	642	100	CTMTQG GNBV
36	Trường TH&THCS Hải Yến; Hạng mục: Tôn cao sân trường và nâng cấp, cải tạo khuôn viên, hệ thống rãnh thoát nước	Xã Hải Yến	2020	2020	642	642				642	642	100	CTMTQG GNBV
II	Công trình Giao thông	36			82,031	48,699	31,697	52,404	36,073	69,935	56,287	80	
a	Công trình chuyển tiếp	4			31,601	17,174	26,397	38,800	36,073	27,646	14,023	51	
1	Đường GT xã Hải Thanh đoạn từ cầu Đò Bè đi Xuân Tiến, xã Hải Thanh	P. Hải Thanh	2018	2019	14,107				5,643	8,000	8,000	100	
2	Cầu dân sinh ông Thao thôn 6 xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia	P. Hải Lĩnh	2019	2019	2,447		1,220	1,227	1,224	1,223	1,223	100	NTM Hoàn thành
3	Tuyến đường giao thông liên xã Tùng Lâm (3,5km)	P. Tùng Lâm	2019	2019	2,500	2,200		300	780	2,200	2,200	100	NTM Hoàn thành
4	Đường giao thông nông thôn xã Trúc Lâm (7,5km)	P. Trúc Lâm	2019	2019	3,800	2,200		1,600	780	2,200	2,200	100	NTM đang thi công
b	Công trình đầu tư mới	32			50,430	31,526	5,300	13,604	0	42,264	42,264	100	

1	Nâng cấp đường giao thông liên xã, xã Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia (50/50)	xã Anh Sơn	2020	2020	1,300		650	650	0	1,300	1,300	100	
2	Đường giao thông nông thôn xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, đoạn tuyến: Từ giáp Quốc lộ 1A đến nghĩa trang ven biển Hải Ninh	P. Hải Ninh	2020	2020	1,800		900	900	0	1,800	1,800	100	Hoàn thành
3	Cầu bản khe Minh Châu, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Trường Lâm	2020	2020	2,600		1,300	1,300	0	2,600	2,600	100	
4	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Trường Lâm đi Tân Trường, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (huyện hỗ trợ 50% XL)	xã Trường Lâm	2020	2020	3,236		1,500	1,736	0	3,000	3,000	100	
5	Nâng cấp, kiên cố hóa đường giao thông trục đường thôn đoạn từ ngõ ông Sơn đến ngõ bà Thái, thôn Trường Thanh, xã Trường Lâm	xã Trường Lâm	2020	2020	215	200		15	0	200	200	100	CT 135. 2020
6	Nâng cấp kiên cố hóa đường giao thông trục đường thôn đoạn từ ngõ anh Túc đến ngã tư đường 2B, thôn Minh Châu, xã Trường Lâm	xã Trường Lâm	2020	2020	215	200		15		200	200	100	CT 135. 2020
7	Ngang cấp mở rộng đường giao thông đoạn đường thôn từ ngõ ông Do đi ngõ anh Tĩnh và đoạn từ từ ngõ anh Dung đi thôn Sơn Thủy, thôn Minh Lâm, xã Trường Lâm	xã Trường Lâm	2020	2020	215	200		15		200	200	100	CT 135. 2020
8	Nâng cấp mở rộng đường GTNT đoạn từ nhà văn hóa thôn đi ngõ anh Vân, thôn Tân Thành, xã Trường Lâm	xã Trường Lâm	2020	2020	215	200		15		200	200	100	CT 135. 2020
9	Đường giao thông nông thôn cầu Hậu đi đường 4B thôn Đại Tiến, phường Ninh Hải, thị xã Nghi Sơn	P. Ninh Hải	2020	2020	1,033	213	0	820	0	213	213	100	Hoàn thành
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Các Sơn	2020	2020	1,200		950	250	0	1,200	1,200	100	Hoàn thành
11	Đường giao thông thôn Trung Sơn và thôn Thắng Hải, xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia	xã Tĩnh Hải	2020	2020	1,878	1,213	0	665	0	1,213	1,213	100	CT 257

12	Đường giao thông nông thôn thôn Đại Tiến, Quang Trung, P. Ninh Hải, TX. Nghi Sơn	P. Ninh Hải	2020	2020	2,020	1,213	0	807	0	2,020	2,020	100	CT 257
13	Đường giao thông nông thôn xã Hải Ninh, đoạn từ Quốc lộ 1A đi thôn Nam Thanh, huyện Tĩnh Gia (CT 257. 2020)	P. Hải Ninh	2020	2020	1,468	1,213	0	255	0	1,213	1,213	100	CT 257
14	Đường GTNT thôn Quang Minh, xã Hải Thanh (CT 257. 2020)	P. Hải Thanh	2020	2020	1,231	1,213	0	18	0	1,213	1,213	100	CT 257
15	Đường bê tông thôn Nam Sơn, xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia (CT 257.2020)	xã Nghi Sơn	2020	2020	1,180	1,000	0	180		1,000	1,000	100	CT 257 hoàn thành
16	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn tuyến đường trục chính từ ngã ba vào UBND xã đi Trường THCS xã Hải Nhân	xã Hải Nhân	2020	2020	1,137	600	-	537	-	600	600	100	Tỉnh BS duy tu bảo dưỡng NTM 600 triệu đồng. Hoàn thành
17	Nâng cấp, cải tạo đường thôn 8, từ nhà anh Thương đi hồ Đồng Cấm và tuyến đường từ thôn 5, từ nhà ông Khắc đi cầu Bạng xã Định Hải	xã Định Hải	2020	2020	895	600	-	295	-	600	600	100	Tỉnh BS duy tu bảo dưỡng NTM 600 triệu đồng. Hoàn thành
18	Xây dựng đường giao thông nông thôn phường Tĩnh Hải	P. Tĩnh Hải	2020	2021	5,282	5,100	-	182	-	5,100	5,100	100	MTQG XDNTM
19	Đường giao thông nông thôn bản Đồng Lách; Đường và kênh mương nội đồng xã Tân Trường	xã Tân Trường	2020	2020	1,700	1,600	-	100	-	1,600	1,600		MTQG XDNTM
20	Xây dựng đường giao thông nông thôn, thôn Văn Sơn, Sơn Hải, Thống Nhất, phường Ninh Hải	P. Ninh Hải	2020	2020	3,562	3,100	-	462	-	3,100	3,100		MTQG XDNTM
21	Nâng cấp đường giao thông nông thôn phường Bình Minh	P. Bình Minh	2020	2020	3,826	2,200		1,626		2,200	2,200		MTQG XDNTM
22	Nâng cấp đường giao thông nông thôn phường Hải Châu	P. Hải Châu	2020	2020	2,948	2,200		748		2,200	2,200		MTQG XDNTM
23	Nâng cấp tuyến đường liên xã từ nhà ông Lương đến khu công nghiệp, xã Thanh Thủy, thị xã Nghi Sơn	xã Thanh Thủy	2020	2020	1,760	1,400		360		1,400	1,400		MTQG XDNTM
24	Nâng cấp tuyến đường từ Chợ Đông đi xã Triệu Dương cũ, xã Ngọc Lĩnh, thị xã Nghi Sơn	xã Ngọc Lĩnh	2020	2020	1,473	1,400		73		1,400	1,400		MTQG XDNTM

25	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Anh Sơn	xã Anh Sơn	2020	2020	2,800	2,110		690		2,110	2,110		MTQG XDNTM
26	Xây dựng đường giao thông nông thôn (đoạn từ cửa nhà ông Soạn đi qua rọc thổ nền xóm 21)	xã Hải Nhân	2020	2020	1,459	600		859		600	600		MTQG XDNTM
27	Đường giao thông nông thôn phường Hải Thanh	P. Hải Thanh	2020	2020	950	919		31		950	950		MTQG XDNTM
28	Đường giao thông nông thôn thôn Đại Tiến - Quang Trung, xã Ninh Hải	P. Ninh Hải	2020	2020	642	642				642	642		CTGNBV
29	Đường giao thông nông thôn thôn Hồng Phong, phường Hải Ninh	P. Hải Ninh	2020	2020	642	642				642	642		CTGNBV
30	Đường giao thông nông thôn thôn Trung Sơn và thôn Thắng Hải, xã Tĩnh Hải	P. Tĩnh Hải	2020	2020	642	642				642	642		CTGNBV
31	Đường giao thông nông thôn đoạn từ nhà ông Tri đến nhà bà Lược thôn Hà Bắc, xã Hải Hà	xã Hải Hà	2020	2020	263	263				263	263		CTGNBV
32	Đường giao thông nông thôn thôn 3 đi thôn 4, phường Hải An	P. Hải An	2020	2020	642	642				642	642	100	CTGNBV
III	Công trình thủy lợi	22			56,123	38,671	5,580	11,673	7,240	43,261	43,261	100	
a	Công trình chuyển tiếp	4			17,508	13,100	-	4,409	7,240	10,200	10,200	100	
1	Kênh mương nội đồng xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (2km)	P. Hải Ninh	2019	2020	3,500	3,000	-	500	1,200	2,300	2,300	100	NTM Hoàn thành
2	Kiên cố hóa kênh tưới nội đồng xã Hải Lĩnh	P. Hải Lĩnh	2019	2020	4,500	3,500	-	1,001	2,100	2,400	2,400	100	NTM Đang thi công
3	Kiên cố hóa kênh tưới nội đồng xã Ninh Hải	P. Ninh Hải	2019	2020	4,508	3,500	-	1,008	2,100	2,400	2,400	100	NTM Hoàn thành
4	Kênh mương nội đồng xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia (2,3km)	xã Thanh Sơn	2019	2020	5,000	3,100	-	1,900	1,840	3,100	3,100	100	NTM hoàn thành
b	Công trình đầu tư mới	18			38,615	25,571	5,580	7,264	-	33,061	33,061	100	
1	Kênh tưới nước Đông Quan, thôn Bài xã Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia (đất lúa tình BS)	xã Anh Sơn	2020	2020	2,200	1,800	-	300	-	2,200	2,200	100	Nguồn đất lúa: Hoàn thành

2	Sửa chữa, nạo vét thanh thải chất bẩn đảm bảo vệ sinh môi trường rãnh thoát nước trực chính xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	P. Hải Bình	2020	2020	1,100		550	550	-	1,100	1,100	100	Hoàn thành
3	Tuyên mương bê tông thôn Đại Thủy (đoạn từ hồ Khe Lầy đến đường thôn Đại Thủy đi thôn hữu lộc), xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia (đất trồng lúa tính BS)	P. Trúc Lâm	2020	2020	2,900	500	900	1,500	-	1,400	1,400	100	Hoàn thành
4	Xây dựng cống tiêu Đập Gỗ xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia	xã Thanh Sơn	2020	2020	650		450	200	-	650	650	100	Hoàn thành
5	Cầu Sau Đình xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia	xã Hải Nhân	2020	2020	370	-	300	70	-	370	370	100	Hoàn thành QT
6	Cải tạo, nâng cấp mương xả thải, thoát nước trong khu dân cư và khu sản xuất liên kết nông nghiệp xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia	xã Hải Nhân	2020	2020	3,704	2,000	-	1,704	-	2,000	2,000	100	Hoàn thành
7	Xây dựng các công trình xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, khu dân cư phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	P. Hải Bình	2020	2020	2,100	2,000	-	100	-	2,000	2,000	100	Hoàn thành
8	Kênh tưới tiếp nước từ hồ Khe Dề xã Phú Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Phú Lâm	2020	2020	1,981		1,800	181	-	1,800	1,800	100	Hoàn thành
9	Xây dựng kênh tưới xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Trường Lâm	2020	2020	1,200		700	500	-	1,200	1,200	100	Hoàn thành
10	Xây dựng kênh tưới nước N1 đi Cỏ Ngựa thôn Hồng Quang, xã Định Hải, huyện Tĩnh Gia	xã Định Hải	2020	2020	950		880	70	-	950	950	100	Hoàn thành
11	Xây dựng kênh mương tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp phường Hải An, thị xã Nghi Sơn	P. Hải An	2020	2021	7,200	7,100	-		-	7,200	7,200	100	CTMTQG XDNTM
12	Kênh mương nội đồng phường Tân Dân	P. Tân Dân	2020	2020	1,714	1,200		514	-	1,200	1,200	100	CTMTQG XDNTM
13	Kênh mương nội đồng xã Trường Lâm	xã Trường Lâm	2020	2020	620	600		20	-	620	620	100	CTMTQG XDNTM
14	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng phường Hải Ninh	P. Hải Ninh	2020	2020	4,058	3,200		858	-	3,200	3,200	100	CTMTQG XDNTM
15	Xây dựng đường giao thông nông thôn phường Hải Ninh	P. Hải Ninh	2020	2020	3,447	3,000		447	-	3,000	3,000	100	CTMTQG XDNTM

16	Kiên cố hóa các tuyến kênh nội vùng sản xuất tập trung xã Các Sơn (HTX dịch vụ nông nghiệp Các Sơn)	xã Các Sơn	2020	2020	2,100	2,000		100		2,000	2,000	100	CTMTQG XDNTM
17	Đường và mương tưới tiêu xã Trường Lâm (HTX dịch vụ Tổng hợp Trường Lâm)	xã Trường Lâm	2020	2020	2,150	2,000		150		2,000	2,000	100	CTMTQG XDNTM
18	Kênh mương tưới úng thôn Cao Nam-Ngọc Sơn, xã Hải Thượng	P. Hải Thượng	2020	2020	171	171		-		171	171	100	CTMTQG XDNTM
IV	Công trình khác	13			235,512				30,438	140,372	99,780	71	
a	Công trình chuyển tiếp	6			106,732	-	106,732	-	30,438	76,294	70,190	92	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Thanh Xuyên, xã Hải Thanh	P. Hải Thanh	2019	2019	16,524		16,524		4,424	12,100	12,100	100	Nguồn thu tiền sử dụng đất
2	Hạ tầng khu dân cư thôn Đông Hải xã Bình Minh	P. Bình Minh	2019	2020	2,200		2,200			2,200	2,200	100	Nguồn thu tiền sử dụng đất (tạm dừng thi công do vướng quy hoạch 1699)
3	Hạ tầng khu dân cư thôn Thanh Cao, xã Triệu Dương, huyện Tĩnh Gia	P. Hải Ninh	2019	2020	895		895			895	895	100	Nguồn thu tiền sử dụng đất. Hoàn thành
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Nhân Hưng và Hồng Kỳ, xã Hải Ninh	P. Hải Ninh	2019	2020	12,209		12,209			12,209	6,105	50	Nguồn thu tiền sử dụng đất. Đang GPMB
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Vạn Thắng 7, xã Nguyễn Bình, huyện Tĩnh Gia	P. Nguyễn Bình	2019	2020	16,524		16,524		8,500	8,024	8,024	100	Nguồn thu tiền sử dụng đất
6	Hạ tầng kỹ thuật dân cư Đông Chợ tiêu khu 4, thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia	P. Hải Hòa	2019	2019	58,380		58,380		17,514	40,866	40,866	100	Nguồn thu tiền sử dụng đất
b	Công trình đầu tư mới	7			128,780	-	127,115	1,248	-	64,080	29,590	46	
1	Công trình: Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Đông Tiến và thôn Phú Minh, xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia.	P. Bình Minh	2020	2021	85,135		85,135			25,500	7,650	30	Nguồn thu sử dụng đất. Dự kiến thi công cuối quý IV
2	Công trình: Hạ tầng kỹ thuật Khu xen cư thôn Trường Cát, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia.	xã Trường Lâm	2020	2020	10,800		10,800			10,800	2,160	20	Nguồn thu sử dụng đất
3	Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Đại Thắng, xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia.	P. Hải Lĩnh	2020	2021	25,000		25,000			20,000	12,000	60	Nguồn thu sử dụng đất (đang thẩm định BCKTKT)

4	Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Hồ Trung, xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia.	P. Tân Dân	2020	2020	1,700		1,700			1,700	1,700	100	Nguồn thu sử dụng đất
5	Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu phân lô xen cư thôn 7, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia.	xã Tân Trường	2020	2020	3,680		3,680			3,680	3,680	100	Nguồn thu sử dụng đất
6	Cải tạo, nâng cấp sân vận động xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	xã Định Hải	2020	2020	1,217		800			1,200	1,200	100	Hoàn thành
7	Xây dựng tượng đài Liệt sỹ phường Ninh Hải, thị xã Nghi Sơn	P. Ninh Hải	2020	2020	1,248			1,248	-	1,200	1,200	100	Hoàn thành

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2020
(Đính kèm báo cáo số 1580 /BC-UBND ngày 16 /12/2020 của UBND thị xã Nghi Sơn

ĐVT: triệu đồng

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Q.Toán A- B	Trong đó		Giá trị Phê duyệt Q.	Trong đó		Chênh lệch	
			X. Dựng	Chi khác		X. Dựng	Chi khác		X. Dựng	Chi khác	So với DT	So với QT A-B
1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Bổ sung và xây dựng mới đoạn nối tiếp tuyến mương tưới từ nhà ông Bảo đi nhà ông Lợi thôn 7, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia	321	282	40	318	282	37	316	281	35	6	3
2	Đường giao thông thôn Trường Thanh, thôn Minh Châu, thôn Minh Lâm và thôn Tân Thanh, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (thuộc chương trình MTQG 135/2019).	850	698	153	805	698	108	800	696	104	50	5
3	Xây dựng rãnh thoát nước cụm dân cư thôn 11, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia	1,099	953	146	1,056	953	102	1,050	950	100	49	6
4	Kiên cố hóa tuyến mương tưới từ nhà ông Bảo đi nhà ông Lợi thôn 7, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia	699	574	125	662	574	88	649	568	81	50	13
5	Xây mới và sửa chữa nâng cấp trường mầm non xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia (khu vực 2 thôn Hà Tân và khu vực 1 thôn Hà Đông)	1,205	989	216	1,149	990	159	1,116	968	148	89	33
6	Xây mới nhà lớp học trường Tiểu học xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 3 phòng	1,029	849	179	976	849	128	956	844	112	73	2

7	Đường giao thông xã Hải Hà, huyện Tỉnh Gia (đoạn từ thôn Hà Trung đến trường mầm non thôn Hà Đông)	478	396	81	455	396	59	443	386	57	35	12
8	Sửa chữa công trình trường Tiểu học xã Hải Hà, huyện Tỉnh Gia;	707	597	110	691	597	94	666	579	87	41	25
9	UBND xã Tân Dân, huyện Tỉnh Gia. Hạng mục: Hệ thống phòng cháy chữa cháy nhà làm việc 2 tầng	504	419	85	474	416	58	423	370	53	81	51
10	Nhà lớp học bộ môn và các phòng học chức năng trường THCS xã Hải An, huyện Tỉnh Gia	4,596	3,793	803	4,431	3,789	642	4,324	3,773	551	272	107
11	Xử lý, khắc phục khẩn cấp tuyến đê hữu sông Thị Long đoạn từ Km14+107-Km14+400 xã Thanh Thủy, huyện Tỉnh Gia	4,257	3,268	989	3,723	3,267	456	3,723	3,267	456	534	0
12	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước má Trai 2, xã Xuân Lâm, huyện Tỉnh Gia (giai đoạn 2)	2,699	2,404	295	2,294	2,036	258	2,259	2,026	233	440	35
13	Nhà văn hóa Thanh Đông, xã Hải Thanh, huyện Tỉnh Gia	1,213	999	214	1,145	999	146	1,138	993	145	75	6
14	Nhà văn hóa Thanh Đông, xã Hải Thanh, huyện Tỉnh Gia. Hạng mục: Nhà kho + Vệ sinh; công tường rào, rãnh thoát nước và đường bê tông vào nhà văn hóa	538	448	91	506	448	59	501	444	57	37	5
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và hệ thống thoát nước thôn Đoan Hùng, thôn Tiền Phong xã Hải Bình, huyện Tỉnh Gia	1,311	1,147	164	1,307	1,147	160	1,284	1,141	142	27	23
16	Sửa chữa công trình trường THCS xã Hải Hà, huyện Tỉnh Gia;	1,062	900	163	1,062	900	163	1,032	898	134	31	31

17	Sửa chữa công trình trạm y tế xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia;	354	287	67	338	287	51	330	284	45	25	8
18	Kè lát bờ kênh tiêu sông Cẩm Lệ xử lý môi trường đoạn qua xã Ninh Hải từ Km1+200 đến Km1+582	1,814	1,541	274	1,716	1,527	188	1,684	1,500	184	130	31
19	Hoàn trả tuyến mương tưới thôn Nhân Hưng xã Hải Hòa bị ảnh hưởng dự án ĐTXD Đôn biên phòng 126 Hải Hòa	337	229	108	312	229	83	261	229	32	76	51
20	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao - hành chính xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia. Hạng mục: Cải tạo tường rào, lát đá sân ủy ban - vỉa hè sân cầu lông, tượng đài liệt sỹ	2,000	1,718	282	1,909	1,718	192	1,575	1,412	164	425	334
21	Cải tạo sửa chữa các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	489	400	89	439	383	57	435	383	53	54	4
22	Cải tạo đường và mương thoát nước đường ven biển xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	1,271	1,079	192	1,239	1,077	162	1,216	1,068	148	55	23
23	Sửa chữa, cải tạo rãnh thoát nước đường trục chính xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia	296	261	35	296	261	35	289	261	28	7	7
24	Cải tạo sửa chữa các hạng mục phụ trợ trường THCS xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	942	781	161	893	781	112	881	774	107	61	12
25	Tuyến đường từ nhà ông Năm lên khu nghĩa địa và tuyến đường từ nhà ông Huỳnh đi nhà ông Trung, thôn Đông Hải, xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia	1,509	1,341	168	1,506	1,341	165	1,433	1,316	116	77	73

26	Đường bê tông thôn Thanh Sơn, xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia	251	223	28	249	222	27	247	218	29	4	1
27	Nhà văn hóa Tiểu khu 6, Thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia	1,993	1,654	340	1,881	1,651	230	1,854	1,643	211	139	27
28	Công sở xã Phú Lâm, huyện Tĩnh	6,080	5,196	884	5,667	5,195	472	5,555	5,167	388	525	112
29	Cổng qua nương tiêu Sau Đình xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia	306	245	61	273	245	29	271	243	28	35	2
30	Khuôn viên và đài tưởng niệm Liệt sỹ xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia	239	195	45	216	195	21	213	194	20	26	2
31	Sửa chữa công trình công sở xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia;	963	791	172	917	791	126	902	768	134	61	15
32	Sửa chữa công trình Chợ cá xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia;	611	525	86	611	525	86	592	522	70	19	19
33	Nhà hiệu bộ trường trung học cơ sở xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia	1,766	1,462	304	1,668	1,457	211	1,635	1,446	189	131	33
34	Hội trường TTVHTT xã Hải Ninh huyện Tĩnh Gia.	6,495	5,765	729	5,808	5,240	568	5,750	5,231	519	745	59
35	Kênh tưới nội đồng thôn Thái đi thôn Đông xã Hùng Sơn (nay là xã Các Sơn), huyện Tĩnh Gia	1,174	960	214	1,108	959	150	1,095	955	140	79	13
36	Kênh tưới nội đồng thôn Thái đi thôn Đông xã Hùng Sơn (nay là xã Các Sơn), huyện Tĩnh Gia	1,160	1,031	129	1,151	1,030	121	1,120	1,008	112	41	32
37	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia	4,965	4,440	525	4,855	4,420	435	4,819	4,398	421	146	36
38	Duy tu sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường THCS Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia	802	654	149	759	654	105	735	641	94	67	24
39	Nhà văn hóa thôn Tân Hòa xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia	4,297	3,764	533	4,169	3,676	493	4,046	3,600	446	251	123

40	Sửa chữa hệ thống đường điện chiếu sáng Thị Trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia	248	216	32	244	216	28	239	216	23	9	5
41	Các tuyến đường GTNT xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia	4,465	3,675	790	4,121	3,670	451	4,065	3,659	406	400	56
42	Nạo vét kênh dẫn nước liên xã Hải Ninh - Hải An	1,906	1,678	228	1,875	1,678	197	1,733	1,603	130	173	142
43	Phòng học và các phòng chức năng trường THCS xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia	4,239	3,221	1,018	3,603	3,072	531	3,524	3,061	463	715	79
44	Di chuyển đường ống cấp nước thô D600 phạm vi GPMB dự án xây dựng thêm một đơn nguyên cầu vượt tại nút giao giữa QL1A và đường Nghi Sơn – Bãi Trành, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	8,709	7,394	1,315	8,018	7,149	869	8,018	7,149	869	691	0
45	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia. Hàng mục: Sửa chữa nhà lớp học 1 tầng 5 phòng, xây mới khu vệ sinh học sinh	1,055	859	196	998	859	139	985	854	131	70	13
46	Cống tiêu đập Tim, thôn Quang Trung, xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia	636	507	129	604	507	97	594	501	93	42	10
47	Xây dựng hệ thống mương tiêu nước khu dân cư đoạn từ trung tâm hành chính xã đến đê biển xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	2,065	1,664	401	1,872	1,661	211	1,865	1,655	210	200	7
48	Nạo vét, xử lý khẩn cấp khơi thông dòng chảy tiêu thoát nước lũ đảm bảo vệ sinh môi trường tuyến nhánh kênh Thanh đoạn qua xã Hải Nhân, thị trấn Tĩnh Gia, xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia	4,092	3,414	678	2,784	2,300	484	2,784	2,300	484	1,308	0

49	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia	3,968	3,312	656	3,800	3,305	495	3,755	3,305	450	213	45
50	Xây mới nhà bếp và sửa chữa nhà làm việc công an thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia	523	424	99	488	424	64	476	424	52	47	12
51	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường Đỗ Chanh, tiểu khu 2, thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia	1,174	1,033	141	1,144	1,033	111	1,129	1,023	106	45	15
52	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước tiểu khu 1, tiểu khu 5, tiểu khu 6, thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia	2,333	2,017	315	2,318	2,017	301	2,232	1,980	252	101	86
53	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên trường Mầm non xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia	761	627	134	721	627	94	710	626	85	51	11
54	Nhà hiệu bộ trường Mầm non xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia	1,631	1,309	322	1,549	1,309	241	1,535	1,302	234	96	14
55	Nạo vét tuyến kênh Nam đoạn thôn Cao Thắng, thôn Vạn Thắng, xã Nguyễn Bình giáp ranh xã Hải Yên xử lý nước thải và rác thải sinh hoạt	500	432	68	405	338	67	405	338	67	95	0
56	Nâng cấp, cải tạo tượng đài liệt sỹ xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia	629	514	115	595	514	81	583	512	71	46	12
57	Đường giao thông nông thôn thôn Hạnh Phúc đi thôn Hồng Kỳ, xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia	1,164	967	197	1,107	966	142	1,096	966	131	68	11
58	Sân vận động và đường giao thông xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia	5,672	5,052	620	5,659	5,047	612	5,603	4,997	606	69	56
59	Khắc phục khẩn cấp sự cố hạng mục tràn xả lũ hồ Ông Xã, xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia	1,205	1,060	145	1,196	1,056	140	1,189	1,054	135	16	7
60	Thị trấn Tĩnh Gia	807	633	173	766	633	133	708	628	80	98	57

61	Nhà làm việc 3 tầng và hội trường công sở thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia. Hạng mục: Phòng cháy chữa cháy	346	301	45	341	301	40	341	301	40	5	0
62	Lò đốt rác thải xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia	1,958	1,798	161	1,949	1,798	151	1,923	1,794	130	35	26
63	Đường giao thông thôn Hồ Thượng, xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia	1,137	948	189	1,081	948	133	1,070	945	125	67	11
64	Đường giao thông nông thôn xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia. Hạng mục: Đường giao thông thôn Hồng Phong và thôn Hồng Kỳ	3,879	3,288	591	3,668	3,286	382	3,645	3,276	368	235	23
65	Nghĩa trang liệt sỹ huyện đi thôn Tây Sơn, xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia	1,132	936	196	1,076	936	140	1,060	932	128	72	16
66	Trường Trung học cơ sở xã Hùng Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn). Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn, nhà bảo vệ	4,858	4,188	670	4,609	4,186	423	4,399	4,112	287	459	210
67	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa thôn Hà Tân, xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia	148	120	28	141	120	21	136	119	17	12	5
68	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa thôn Hà Bắc, xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia	165	134	31	157	134	23	151	133	18	13	5
69	Nâng cấp, cải tạo nhà công an, xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia	165	128	37	157	128	29	145	125	19	20	12
70	Xây dựng khu nghĩa trang xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia	118	93	25	112	93	19	105	93	12	13	7
71	Đường giao thông liên xã, xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia	2,500	2,061	439	2,386	2,059	326	2,364	2,057	307	136	22

72	Cải tạo, sửa chữa đoạn tuyến đường từ thôn Lương Bình xã Tùng Lâm đến đường Nghi Sơn - Bãi Trành, huyện Tĩnh Gia	1,178	937	241	1,061	933	127	1,057	933	123	121	4
73	Sửa chữa tuyến đường liên xã từ xã Ngọc Lĩnh đi xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia	949	793	156	898	791	106	893	790	103	56	5
74	Xây mới nhà hiệu bộ trường tiểu học xã Hải An, huyện Tĩnh Gia	2,455	2,080	375	2,400	2,077	323	2,357	2,069	288	98	43
75	Trường Mầm non xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 7 phòng và các hạng mục phụ trợ	4,208	3,554	654	3,928	3,548	379	3,890	3,509	381	317	37
76	Nhà lớp học 06 phòng trường Mầm non xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia	6,320	5,482	838	6,206	5,442	764	6,116	5,357	758	204	91
77	Đường giao thông nông thôn Phú Thịnh, xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia	1,617	1,406	211	1,608	1,405	203	1,599	1,404	195	18	9
78	Trường Mầm non xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia. Hạng mục: Nhà bếp, nhà bảo vệ, nhà để xe, công tường rào, khuôn viên	2,630	2,182	447	2,494	2,176	319	2,431	2,127	303	199	64
79	Trường Mầm non xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia. Hạng mục: Nhà hiệu bộ	2,191	1,769	422	2,077	1,762	315	2,004	1,704	301	187	72
80	Nhà lớp học 2 tầng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Tĩnh Gia	2,491	2,112	379	2,187	1,926	261	2,121	1,886	234	370	67
81	Cải tạo sửa chữa đoạn đường giao thông từ ngã ba trung tâm xã Phú Lâm đi dốc Bù Đá, xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia	5,763	4,690	1,072	5,234	4,685	548	5,199	4,681	517	564	35
82	Nâng cấp hồ Đồng Cẩm xã Định Hải, huyện Tĩnh Gia	5,560	4,370	1,190	4,831	4,138	692	4,774	4,135	639	786	56

83	Đường giao thông nông thôn thôn Quang Minh, xã Hải Thanh (thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020)	1,230	1,022	209	1,181	1,022	160	1,142	1,017	124	89	40
84	Nâng cấp đường giao thông thôn 6 đi thôn 5 xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia	3,286	2,811	475	3,110	2,810	300	3,073	2,785	289	212	37
85	Đường bê tông thôn Nam Sơn, xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia.	1,180	973	207	1,067	973	95	1,061	972	89	119	6
86	Xây mới nhà hiệu bộ và cải tạo một số hạng mục trường Tiểu học thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia	3,019	2,520	500	2,836	2,515	322	2,805	2,501	304	214	31
87	Nâng cấp, điều chỉnh khuôn viên và một số hạng mục Trụ sở thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia	633	527	106	600	527	72	593	527	65	40	7
88	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường 7 xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia (đoạn từ ngã ba giao đường Bắc Nam 3 đến UBND xã Tĩnh Hải)	1,457	1,212	245	1,384	1,209	176	1,376	1,209	167	81	8
89	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường giao thông từ QL1A đi UBND xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia	2,439	2,178	260	2,416	2,170	246	2,394	2,154	240	45	22
90	Hệ thống điện chiếu sáng đường liên xã Thị trấn Tĩnh Gia đi xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	2,292	1,884	408	2,109	1,869	240	2,108	1,867	241	185	2
91	Xây dựng cải tạo, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tĩnh Gia	2,867	2,839	28	2,839	2,448	391	2,786	2,428	358	81	53
92	Nâng cấp đường ven biển xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	3,203	2,519	683	2,849	2,519	329	2,735	2,434	300	468	114
93	Đường giao thông liên thôn từ thôn Đồng Minh đến thôn Nhân Hưng xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia	1,180	993	187	1,118	993	125	1,110	992	118	70	9

94	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Hải Thanh A, xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	3,869	3,194	675	3,588	3,191	397	3,555	3,169	385	314	33
95	Trạm y tế xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Thanh, thị xã Nghi Sơn)	2,903	2,515	388	2,727	2,512	214	2,681	2,474	207	222	46
96	Đường giao thông nông thôn, đoạn từ thôn 3 đi thôn 4, phường Hải An, thị xã Nghi Sơn (thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020)	793	679	113	754	679	74	748	678	70	45	6
97	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường giao thông từ QL1A đi Cồn Sung, xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Châu, thị xã Nghi Sơn)	5,417	4,808	610	5,335	4,803	532	5,314	4,782	532	104	22
98	Nâng cấp kiên cố hóa đường giao thông, thôn Trường Thanh, thôn Minh Châu, thôn Minh Lâm, thôn Tân Thanh, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	811	688	123	805	687	117	777	687	90	34	28
99	Đài tưởng niệm Liệt Sỹ xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn)	1,750	1,479	271	1,730	1,494	236	1,716	1,490	226	34	14
		200,565	169,479	31,086	187,952	165,881	22,071	184,600	164,247	20,353	15,966	3,352

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG THỊ XÃ NGHI SƠN NĂM 2021

(Đính kèm báo cáo số 1580 /BC-UBND ngày 16/12/2020 của UBND thị xã Nghi Sơn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
*	TỔNG NGUỒN															323,000	316,000	7,000	
1	Nguồn đầu giá thu tiền sử dụng đất điều tiết NS thị xã															312,150	312,150		
2	Nguồn thu tiền tái định cư															3,850	3,850		
3	Nguồn Sự nghiệp kinh tế															7,000		7,000	
A	TỔNG PHÂN BỐ				991,190	640,369	111,568	434,427	221,197	40,644	315,302	152,178	4,611	574,688	407,407	102,371	308,000	301,000	7,000
I	THỊ XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				679,261	450,945	1,255	331,005	169,356	1,255	272,415	123,677	0	314,931	250,036	1,255	182,571	175,571	7,000
II	Dự án đã quyết toán				210,710	96,906	0	193,684	85,777	0	165,291	65,613	0	20,262	20,261	0	20,261	20,261	0
a	Lĩnh vực giáo dục				80,799	11,581	0	74,306	10,156	0	72,043	8,325	0	1,929	1,928	0	1,928	1,928	0
1	Nhà lớp học 6 phòng - Trường Mầm non xã Hải Ninh	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	4/2018	12/2019	6,320	1,520		6,116	1,316		5,500	700		616	616		616	616	
2	Nhà lớp học 6 phòng - Trường Mầm non xã Hải Hòa	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	02/2018	8/2018	6,491	1,691		5,974	1,174		5,674	874		300	300		300	300	
3	Nhà lớp học 6 phòng - Trường Mầm non xã Hải Thượng	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	4/2018	11/2018	6,083	1,283		6,021	1,221		5,651	851		370	370		370	370	
4	Trường THCS Hải An, huyện Tĩnh Gia. Hạng mục: Nhà bộ môn và các phòng học chức năng	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	8/2018	3/2019	4,596	4,596		4,325	4,325		4,000	4000		325	325		325	325	
5	Nhà lớp học 2 tầng Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2019	2020	2,491	2,491		2,121	2,121		1,900	1,900		221	221		221	221	
6	Thanh toán công nợ xây dựng Trường THPT Tĩnh Gia III, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2011	2013	54,818			49,750			49,318	0		97	97		97	97	
b	Lĩnh vực môi trường				1,184	1,184	0	1,685	1,685	0	1,600	1,600	0	85	85	0	85	85	0
1	Kè lát bờ kênh tiêu sông Cẩm Lệ xử lý môi trường đoạn qua xã Ninh Hải từ Km 1+200 đến Km 1+582, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2019	2019	1,184	1,184		1,685	1,685		1,600	1600		85	85		85	85	
c	Lĩnh vực giao thông				72,837	45,201	0	67,764	40,128	0	56,332	30,296	0	9,832	9,832	0	9,832	9,832	0
1	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi UBND xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	2,439	2,229		2,394	2,184		2,210	2000		184	184		184	184	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
2	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường 7 xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia (đoạn từ ngã 3 giao đường bắc nam 3 đến UBND xã Tĩnh Hải).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	1,457	1,457		1,376	1,376		1,170	1170		206	206		206	206	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ công NS thôn Văn Nhân, xã Hải Nhân đến thôn Vạn Thắng 8, xã Nguyễn Bình, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2019	2019	3,748	3,748		3,669	3,669		2,900	2900		769	769		769	769	
4	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ ngã ba trung tâm xã Phú Lâm đi dốc Bù Đá, xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	4/2020	7/2020	5,763	5,763		5,199	5,199		4,000	4000		1,199	1,199		1,199	1,199	
5	Sửa chữa tuyến đường liên xã từ xã Ngọc Lĩnh đi xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	3/2020	4/2020	949	949		893	893		800	800		93	93		93	93	
6	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ thôn Lương Bình, xã Tùng Lâm đến đường Nghi Sơn - Bãi Trành, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	3/2020	5/2020	1,178	1,178		1,057	1,057		850	850		207	207		207	207	
7	Sửa chữa, khắc phục khẩn cấp hư hỏng mặt đường đảm bảo ATGT và bổ sung hệ thống báo hiệu đường bộ tuyến đường tỉnh lộ 525.	Hạt giao thông thị xã Nghi Sơn	2020	2020	882	882		860	860		0			860	860		860	860	
8	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi cồn Sung, xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Châu, thị xã Nghi Sơn).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	5,417	1,417		5,314	1,314		2,400	0		1,314	1,314		1,314	1,314	
9	Đường vào các cơ quan UBND huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn) (phần XD). Ghi kế hoạch hoàn ứng kho bạc.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2013	51,004	27,578		47,002	23,576		42,002	18,576		5,000	5,000		5,000	5,000	
d	Lĩnh vực thủy lợi đ. QT				17,027	7,027	0	15,149	5,225	0	12,421	2,497	0	2,728	2,728	0	2,728	2,728	0
1	Khắc phục khẩn cấp sự cố hạng mục tràn xả lũ hồ Ông Xã, xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	12.2019	01.2020	1,206	1,206		1,189	1,189		1,000	1000		189	189		189	189	
2	Nâng cấp công và kênh tiêu nước dưới đê cầu Hung tại K0+928 xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Xuân Lâm, thị xã Nghi Sơn).	Ban QLDA kiêm nhiệm	2012	2012	880	880		774	774		749	749		25	25		25	25	
3	Tu bổ, nâng cấp đê hao Hao, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	Ban Quản lý dự án hồ Hao Hao	02.2012	03.2020	14,941	4,941		13,186	3,262		10,672	748		2,514	2,514		2,514	2,514	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lấy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
e	Chương trình dự án khác				38,863	31,913	0	34,781	28,584	0	22,895	22,895	0	5,689	5,689	0	5,689	5,689	0
1	Hệ thống chiếu sáng đường liên xã Thị trấn Tĩnh Gia đi xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	2,292	2,292		2,108	2,108		1,800	1,800		308	308		308	308	
2	Hệ thống đường điện 0,4kv chiếu sáng tuyến đường C-C3, đường phân cách và máy biến áp 10kv-(22)35/0,4kv, tủ hạ thế hợp bộ 500v-150A, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA kiêm nhiệm	9.2015	11.2015	3,790	3,790		3,316	3,316		3,016	3,016		300	300		300	300	
3	Sửa chữa Trung tâm hội nghị huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA kiêm nhiệm (VPHĐND&UBND huyện)	10.2014	4.2015	5,364	5,364		3,842	3,842		2,542	2,542		1,300	1,300		1,300	1,300	
4	Nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ đồn Công an Nghi Sơn	Công an huyện	2016	2017	13,900	6,950		12,394	6,197		5,000	5,000		1,197	1,197		1,197	1,197	
5	Xây dựng cải tạo, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Huyện đội	2019	2019	2,867	2,867		2,786	2,786		2,000	2,000		786	786		786	786	
6	Quảng trường - công viên huyện Tĩnh Gia (giai đoạn 1)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	10,650	10,650		10,335	10,335		8,537	8,537		1,798	1,798		1,798	1,798	
I2	Dự án hoàn thành chưa quyết toán				68,685	63,128	0	67,513	61,956	0	49,250	44,250	0	17,706	17,706	0	13,850	13,850	0
a	Lĩnh vực giáo dục				13,039	13,039	0	12,802	12,802	0	10,800	10,800	0	2,002	2,002	0	1,550	1,550	0
1	Xây dựng 04 phòng học mới và cải tạo sửa chữa phòng học cũ xuống cấp Trường Tiểu học xã Hải Hà.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	2,062	2,062		2,062	2,062		1,800	1,800		262	262		200	200	
2	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tĩnh Gia 5 (cũ) thành trường Tiểu học và Trung học cơ sở chất lượng cao Lương Chí	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2019	2020	10,977	10,977		10,740	10,740		9,000	9,000		1,740	1,740		1,350	1,350	
b	Lĩnh vực môi trường				2,657	2,657	0	2,525	2,525	0	2,000	2,000	0	525	525	0	420	420	0
1	Nạo vét kiên cố hóa tuyến kênh tiêu sông Cẩm Lê đoạn từ QL1A đến hết nghĩa trang Cồn Phồn, xã Hải Nhân	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	2,657	2,657		2,525	2,525		2,000	2,000		525	525		420	420	
c	Lĩnh vực giao thông				3,074	3,074	0	2,803	2,803	0	2,000	2,000	0	803	803	0	650	650	0
1	Tuyến đường GTNT từ Ban quản lý hồ Hao Hao đến đường cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn thôn 8, xã Định Hải	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	3,074	3,074		2,803	2,803		2,000	2,000		803	803		650	650	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
d	Lĩnh vực thủy lợi																		
e	Chương trình dự án khác				49,915	44,358	0	49,383	43,826	0	34,450	29,450	0	14,376	14,376	0	11,230	11,230	0
1	Nhà làm việc và phòng họp UBND huyện	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	5,280	5,280		5,280	5,280		4,000	4000		1,280	1,280		1,000	1,000	
2	Quảng trường - công viên huyện Tĩnh Gia (giai đoạn 2)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	18.615	18.615		18,378	18,378		17.000	17,000		1,378	1,378		1.000	1,000	
3	Nâng cấp hệ thống thu phát sóng và cơ sở vật chất Đài truyền thanh truyền hình Tĩnh Gia (nay là Trung tâm văn hóa - thông tin- thể thao và du lịch thị xã Nghi Sơn)	Ban QLDA kiêm nhiệm (TT VH-TT-TT&DL thị xã Nghi Sơn)	2020	2020	1,700	1,700		1,690	1,690		1,200	1,200		490	490		400	400	
4	Sửa chữa công, tường rào các cơ quan Huyện ủy, UBND, Khối đoàn thể; nhà làm việc các hội huyện Tĩnh Gia và sửa chữa đài phun nước trong khuôn viên cơ quan Huyện ủy	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	2,682	2,682		2,682	2,682		1,500	1500		1,182	1,182		950	950	
5	Sửa chữa, thay thế hệ thống đèn công chào phía bắc, phía Nam và hệ thống đèn LED dọc tuyến đường vào cơ quan huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	4,295	4,295		4,295	4,295		1,000	1000		3,295	3,295		2,500	2,500	
6	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm hội nghị huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	4,740	4,740		4,503	4,503		3,500	3,500		1,003	1,003		800	800	
7	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc UBND huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	8,269	3,269		8,269	3,269		5,000			3,269	3,269		2,500	2,500	
8	Xây mới nhà dịch vụ và sửa chữa nhà làm việc Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp thị xã Nghi Sơn.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	2,229	2,229		2,229	2,229		1,100	1,100	0	1,129	1,129		1,000	1,000	
9	Cải tạo khuôn viên phía sau và bổ sung thiết bị nhà hội trường Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Nghi Sơn	T. Tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã Nghi Sơn	2020	2020	998	998		950	950		0			950	950		760	760	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lấy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
10	Xây dựng tường rào bảo vệ khu đất mở rộng tại Đồn Công an Nghi Sơn - Công An huyện Tĩnh Gia (huyện hỗ trợ 50%)	Công an huyện	2020	2020	1,107	550	0	1,107	550	0	150	150	0	400	400	0	320	320	0
13	Dự án chuyển tiếp				154,936	78,781	1,255	69,808	21,624	1,255	57,874	13,814	0	76,334	44,239	1,255	30,350	30,350	0
a	Lĩnh vực giáo dục				28,319	8,419	0	13,930	0	0	13,930	0	0	14,389	8,419	0	5,700	5,700	0
1	Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2,020	2,021	6,085	1,685	0	3,080	0	0	3,080	0	0	3,005	1,685	0	1,150	1,150	0
2	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2,020	2,021	5,459	1,609	0	2,695	0	0	2,695	0	0	2,764	1,609	0	1,100	1,100	0
3	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2,020	2,021	6,498	1,948	0	3,185	0	0	3,185	0	0	3,313	1,948	0	1,350	1,350	0
4	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Khu A và nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Khu B Trường Tiểu học xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2,020	2,021	5,337	1,637	0	2,590	0	0	2,590	0	0	2,747	1,637	0	1,100	1,100	0
5	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Mầm non xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (T70/30)	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2,020	2,021	4,940	1,540	0	2,380	0	0	2,380	0	0	2,560	1,540	0	1,000	1,000	0
b	Lĩnh vực môi trường																		
c	Lĩnh vực giao thông				69,942	23,688	1,255	39,182	12,928	1,255	35,150	10,150	0	34,792	13,538	1,255	8,650	8,650	0
1	Mở rộng tuyến đường C-C3, Khu du lịch Hải hòa, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	65,760	20,760	0	35,000	10,000	0	33,150	8,150	0	32,610	12,610	0	8,000	8,000	0
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào bệnh viện đa khoa Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2020	4,182	2,928	1,255	4,182	2,928	1,255	2,000	2,000	0	2,182	928	1,255	650	650	0
d	Lĩnh vực thủy lợi				12,259	2,259	0	10,000	2,000	0	5,130	0	0	6,430	1,560	0	1,000	1,000	0
1	Đầu tư trạm bơm tiêu úng cho sản xuất 02 vụ xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	12,259	2,259	0	10,000	2,000	0	5,130	0	0	6,430	1,560	0	1,000	1,000	0

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bỏ trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
e	Chương trình dự án khác				44,415	44,415	0	6,696	6,696	0	3,664	3,664	0	20,722	20,722	0	15,000	15,000	0
1	Tu bổ tôn tạo và mở rộng khu di tích lịch sử cách mạng, nơi thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (nay là thị xã Nghi sơn, tỉnh Thanh Hóa).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	1,870	1,870		561	561		0			1,870	1,870		1,500	1,500	
2	Nâng cấp, sửa chữa khu tái định cư và khu dân cư Trúc Lâm (giai đoạn 1, huyện Tĩnh Gia)nay là thị xã Nghi Sơn).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	14,545	14,545		535	535		0			13,852	13,852		8,500	8,500	
3	Đường hầm SCH thống nhất thời chiến huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Huyện Đội	2017		28,000	28,000		5,600	5,600		3,664	3,664		5,000	5,000		5,000	5,000	
I4	Dự án đầu tư mới 2021				199,230	166,430	0	0	0	0	0	0	0	199,230	166,430	0	116,710	109,710	7,000
a	Lĩnh vực giáo dục				82,170	82,170	0	0	0	0	0	0	0	82,170	82,170	0	57,290	57,290	0
1	Nhà hành chính quản trị 3 tầng Trường Tiểu học Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	8,600	8,600		0			0			8,600	8,600		6,000	6,000	
2	Nhà lớp học 3 tầng 24 phòng Trường Tiểu học Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	12,100	12,100								12,100	12,100		8,500	8,500	
3	Nhà lớp học 3 tầng 18 phòng Trường THCS Hải Bình, thị xã Nghi Sơn.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	9,500	9,500								9,500	9,500		6,500	6,500	
4	Nhà hành chính quản trị 3 tầng Trường THCS Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	8,600	8,600								8,600	8,600		6,000	6,000	
5	Trường Mầm non Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, hạng mục: Nhà hành chính quản trị 2 tầng, nhà bếp.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	4,000	4,000								4,000	4,000		2,800	2,800	
6	Trường THCS Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, hạng mục: Xây mới nhà lớp học và thư viện, cải tạo nhà lớp học cũ.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2020	2021	4,500	4,500								4,500	4,500		3,150	3,150	
7	Trường Trung học phổ thông Tĩnh Gia I, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh hóa, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	6,820	6,820		0			0			6,820	6,820		4,700	4,700	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lấy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
8	Nhà hiệu bộ, Nhà bếp ăn, Nhà bảo vệ và các công trình phụ trợ Trường Mầm non phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	4,250	4,250				0				4,250	4,250		3,000	3,000	
9	Nhà hiệu bộ Trường Tiểu học xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	4,500	4,500								4,500	4,500		3,150	3,150	
10	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	5,800	5,800								5,800	5,800		4,040	4,040	
11	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Hùng Sơn xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	7,000	7,000								7,000	7,000		4,900	4,900	
12	Xây mới nhà hiệu bộ 2T6P và sửa chữa một số hạng mục trường Tiểu học Tùng Lâm, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	6,500	6,500								6,500	6,500	0	4,550	4,550	
b	Lĩnh vực văn hóa				5,250	3,250	0	0	0	0	0	0	0	5,250	3,250	0	2,260	2,260	0
1	Trùng tu, tôn tạo mộ tổ Hoàng quốc công Đào Duy Từ	Ban QLDA chùa Am Các	2021	2021	950	950								950	950		660	660	
2	Dự án khảo cổ chùa Am các, xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA chùa Am Các	2021	2022	4,300	2,300								4,300	2,300		1,600	1,600	
c	Lĩnh vực môi trường				4,900	4,900	0	0	0	0	0	0	0	4,900	4,900	0	3,410	3,410	0
1	Nạo vét, kiên cố hoá tuyến kênh tiêu sông Cẩm Lệ (đoạn từ nghĩa trang Cồn Phồn đến cầu Làng Am), xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	2,800	2,800								2,800	2,800		1,960	1,960	
2	Hệ thống thoát nước khu tái định cư Tĩnh Hải, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	2,100	2,100								2,100	2,100		1,450	1,450	
d	Lĩnh vực giao thông				33,600	33,600	0	0	0	0	0	0	0	33,600	33,600	0	23,000	23,000	0
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ Quốc lộ 1 A đi chùa Am Các, kết nối đường Nghi Sơn- sân bay Sao vàng, đoạn tuyến: Từ Công sở xã Định Hải đến nhà Ban quản lý hồ Hao Hao.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	5,800	5,800								5,800	5,800		4,000	4,000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
2	Dự án cải tạo, sửa chữa tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 1A qua UBND xã Tùng Lâm đến đường Nghi Sơn-Bãi Trành (địa phận thôn Thê Vinh).	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	4,400	4,400							4,400	4,400		3,100	3,100		
3	Dự án nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Xuân Lâm đi Phú Lâm (đoạn tuyến: Từ ngã ba nhà ông Văn Ngải thôn Phú Thịnh đến ngã ba nhà ông Hồng Ca thôn Thịnh Hùng, xã Phú Lâm) và đường trục chính vào UBND xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	3,900	3,900							3,900	3,900		2,700	2,700		
4	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Trung Sơn, Đông Sơn, Tây Sơn, và Bắc Sơn, xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	3,900	3,900							3,900	3,900		2,700	2,700		
5	Cầu Trại xã Ngọc Lĩnh, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	7,400	7,400							7,400	7,400		5,000	5,000		
6	Các tuyến đường từ thôn Song đi trung tâm xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2022	8,200	8,200							8,200	8,200		5,500	5,500		
e	Thủy lợi																		
f	Chương trình dự án khác				73,310	42,510	0	0	0	0	0	0	73,310	42,510	0	30,750	23,750	7,000	
1	Di chuyển đường điện trung, hạ áp và TBA số 3 phường Hải Hòa để giải tỏa vỉa hè đường Lê Thê Sơn, phường Hải Hòa đoạn trước công trường Tiểu học và THCS chất lượng cao Lương Chí, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	1,330	1,330							1,330	1,330		930	930		
2	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến Quốc lộ 1A từ phường Ninh Hải đến phường Hải Ninh và từ phường Hải Ninh đến cầu ghép, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	61,600	30,800	0						61,600	30,800		21,000	14,000	7,000	
3	Lắp đặt cầu thang máy tại nhà làm việc 4 tầng cơ quan UBND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	2,430	2,430							2,430	2,430		1,700	1,700		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lấy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
4	Sửa chữa, cải tạo phòng làm việc và mua sắm trang thiết bị làm việc cho Thường trực Thị ủy và các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy - Trưởng các ban xây dựng đảng của cơ quan Thị ủy.	Thị ủy Nghi Sơn	2021	2021	950	950							950	950		660	660		
5	Xây dựng nhà tiếp công dân và sửa chữa, cải tạo khuôn viên Công an thị xã Nghi Sơn (NS thị xã hỗ trợ).	Công an thị xã	2021	2021	1,800	1,800							1,800	1,800		1,260	1,260		
6	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà làm việc 5 tầng Công an huyện Tĩnh Gia (nay là Công an thị xã Nghi Sơn)	Công an thị xã	2021		5,000	5,000							5,000	5,000		5,000	5,000		
7	Hỗ trợ kinh phí duy tu sửa chữa các công trình Quân sự thị xã Nghi Sơn.	Ban Chỉ huy quân sự	2021	2021	200	200							200	200		200	200		
15	Dự án chuẩn bị đầu tư				45,700	45,700	0	0	0	0	0	0	1,400	1,400	0	1,400	1,400	0	
4	Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án Điện năng lượng mặt trời tại xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2022	44,500	44,500							200	200		200	200		
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đô thị mới kết hợp tái định cư tại phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	300	300							300	300		300	300		
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mở rộng Nghĩa trang nhân dân tại phường Ninh Hải, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	400	400							400	400		400	400		
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mở rộng Nghĩa trang Thọ Cửu, phường Tân Dân, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Nghi Sơn	2021	2021	500	500							500	500		500	500		
II	CẤP XÃ LÂM CHỦ ĐẦU TƯ				259,529	141,239	106,098	95,722	48,286	35,244	40,482	28,301	2,406	212,202	111,756	99,177	81,474	81,474	0
III	Dự án đã quyết toán				37,521	19,063	6,413	34,133	17,474	4,614	22,593	9,571	1,747	11,295	7,903	2,122	7,903	7,903	0
a	Lĩnh vực giáo dục				13,883	7,925	2,556	12,232	7,448	1,382	7,122	3,650	70	5,118	3,798	1,320	3,798	3,798	0
1	Trường mầm non xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 7 phòng và các hạng mục phụ trợ.	xã Phú Sơn	2016	2017	4,615	448	765	3,890	448	40	3,442	0	40	448	448	0	448	448	
2	Hỗ trợ xây dựng nhà bếp ăn và nhà bảo vệ Trường mầm non xã Định Hải	xã Định Hải	2019	2019	688	500	188	680	500	180	0			688	500	188	500	500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
3	Trường Trung học cơ sở xã Hùng Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn). Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn, nhà bảo vệ.	xã Các Sơn	2012	2012	4,858	4,372	486	4,399	4,200	199	3,680	3,650	30	719	550	169	550	550	
4	Trường Tiểu học và THCS xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn), hạng mục: San lấp mặt bằng và làm đường vào trường.	P. Mai Lâm	2010	2011	3,722	2,605	1,117	3,263	2,300	963	0			3,263	2,300	963	2,300	2,300	
b	Lĩnh vực văn hóa				5,546	2,579	2,014	5,110	2,447	1,710	4,251	2,041	757	859	406	453	406	406	0
1	Đài truyền thanh xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Phú Sơn	2016	2016	417	289	128	402	281	121	362	241	121	40	40		40	40	
2	Nhà văn hóa thôn Trung Sơn, xã Phú Sơn	xã Phú Sơn	2016	2018	1,341	246	142	1,248	246	49	1,002		49	246	246		246	246	
3	Xây dựng sân vận động xã Các Sơn	xã Các Sơn	2019	2019	2,488	1,244	1,244	2,240	1,120	1,120	2,187	1,100	587	53	20	33	20	20	
4	Cải tạo, nâng cấp sân vận động xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	xã Định Hải	2020	2020	1,300	800	500	1,220	800	420	700	700		520	100	420	100	100	
c	Lĩnh vực môi trường				115	115	0	105	105	0	0	0	0	105	105	0	105	105	0
1	Xây dựng khu hương tang, nghĩa trang xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn	xã Hải Hà	2020	2020	115	115		105	105		0	0		105	105		105	105	
d	Lĩnh vực giao thông				4,574	1,899	1,085	4,598	1,835	1,173	3,260	750	920	1,085	1,085	0	1,085	1,085	0
1	Đường giao thông nông thôn, thôn Bắc Sơn xã Triệu Dương (nay là phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn)	P. Hải Ninh	2015	2015	754	58	696	751	55	696	696		696	55	55		55	55	
2	Xây mới đường GT liên thôn Yên Tôn, Xuân Thắng, An cư xã Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	xã Anh Sơn	2018	2018	2,024	210	224	2,024	210	224	1,814		224	210	210		210	210	
3	Nâng cấp tuyến đường xã: Từ đường Sắt xã Các Sơn	xã Các Sơn	2020	2020	1,143	978	165	1,223	970	253	500	500		470	470		470	470	
4	Nâng cấp đường giao thông và sửa chữa tuyến kênh C3 đi qua trung tâm văn hóa thể thao xã Các Sơn	xã Các Sơn	8/2018	11/2018	653	653		600	600		250	250		350	350		350	350	
e	Lĩnh vực thủy lợi				7,323	4,765	758	6,533	4,384	349	3,930	2,130	0	2,603	2,254	349	2,254	2,254	0
1	Nạo vét kênh dẫn nước liên xã Hải Ninh - Hải An, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	P. Hải Ninh	2013	2013	1,907	977	130	1,734	803	131	800			934	803	131	803	803	
2	Nạo vét kênh dẫn nước Kiềm Sơn xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	xã Các Sơn	2015	2015	2,031	1,773	258	1,790	1,620	170	900	900		890	720	170	720	720	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
3	Kênh tưới nước Đông Quan, thôn Bãi xã Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia (đất lúa tính BS)	xã Anh Sơn	2020	2020	2,100	800	300	1,848	800	48	1,300	300	548	500	48	500	500		
4	Xây dựng kênh tưới nước N1 đi Cỏ Ngựa thôn Hồng Quang, xã Định Hải, huyện Tĩnh Gia	xã Định Hải	2020	2020	950	880	70	843	843		760	760	83	83		83	83		
5	Khắc phục khẩn cấp tu sửa khẩn cấp Công đập nơi phường Mai Lâm	P. Mai Lâm	2017	2017	335	335	0	318	318		170	170	148	148		148	148		
f	Công sở xã, phường				6,080	1,780	0	5,555	1,255	0	4,030	1,000	0	1,525	255	0	255	255	0
1	Công sở xã Phú Lâm, huyện Tĩnh Gia (thị xã Nghi Sơn).	xã Phú Lâm	2018	2019	6,080	1,780		5,555	1,255		4,030	1000	1,525	255		255	255		
II2	Dự án hoàn thành chưa quyết toán				45,935	24,246	21,542	44,415	23,637	20,631	15,089	15,130	659	28,934	8,723	20,212	6,981	6,981	0
a	Lĩnh vực giáo dục				25,441	12,476	12,965	24,551	12,146	12,405	9,049	8,420	629	15,722	3,876	11,846	3,130	3,130	0
1	Nhà hiệu bộ trường THCS xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (NS huyện hỗ trợ 50%)	P. Hải Ninh	2020	2020	3,150	1,600	1,550	3,150	1,600	1,550	1,500	1500	1,650	100	1,550	80	80		
2	Trường Mầm Non xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	xã Các Sơn	2018	2019	5,640	2,820	2,820	5,510	2,820	2,690	2,020	2,020	3,490	800	2,690	650	650		
3	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường tiểu học Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	xã Anh Sơn	2019	2019	4,651	3,256	1,395	4,581	3,256	1,325	2,829	2,200	629	1,822	1,056	766	850	850	
4	Trường tiểu học xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia, Nhà chức năng kết hợp các phòng học 02 tầng 10 phòng	xã Thanh Sơn	2020	2020	6,000	3,000	3,000	5,700	2,850	2,850	1,700	1,700	4,150	1,300	2,850	1,050	1,050		
5	Trường Mầm non xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	xã Thanh Thủy	2020	2020	6,000	1,800	4,200	5,610	1,620	3,990	1,000	1,000	4,610	620	3,990	500	500		
b	Lĩnh vực văn hóa				1,100	550	550	1,100	550	550	300	300	0	800	250	550	200	200	0
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hồng Quang, xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	xã Định Hải	2020	2020	1,100	550	550	1,100	550	550	300	300	800	250	550	200	200		
c	Lĩnh vực giao thông				11,944	6,670	5,127	11,314	6,391	4,776	3,550	4,220	30	7,152	2,237	4,916	1,791	1,791	0
1	Cầu dân sinh tránh lũ cho 03 thôn: Đông Sơn, Bắc Sơn, Bình Sơn, xã Phú Sơn	xã Phú Sơn	2017	2017	2,037	1,426	611	1,941	1,360	581	1,270	1,270	0	736	156	581	131	131	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lấy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
2	Đường giao thông nông thôn xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, đoạn tuyến: Từ giáp Quốc lộ 1A đến nghĩa trang ven biển Hải Ninh	xã Hải Ninh	2020	2020	1,640	820	820	1,640	820	820	600	600		1,040	220	820	180	180	
3	Nâng cấp đường giao thông liên xã, xã Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia (50/50)	xã Anh Sơn	2020	2020	1,300	650	503	1,125	591	387	480	450	30	498	141	357	100	100	
4	Cầu qua khe Hao Hao thôn Kiều xã Anh Sơn	xã Anh Sơn	2020	2020	1,167	974	193	1,128	970	158	500	500		628	470	158	380	380	
5	Cầu bản khe Minh Châu, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Trường Lâm	2020	2020	2,600	1,300	1,300	2,600	1,300	1,300	700	700		1,900	600	1,300	480	480	
6	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Trường Lâm đi Tân Trường, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (huyện hỗ trợ 50% XL)	xã Trường Lâm	2020	2020	3,200	1,500	1,700	2,880	1,350	1,530		700		2,350	650	1,700	520	520	
d	Lĩnh vực thủy lợi				7,450	4,550	2,900	7,450	4,550	2,900	2,190	2,190	0	5,260	2,360	2,900	1,860	1,860	0
1	Tuyến mương bê tông thôn Đại Thủy (đoạn từ hồ Khe Lầy đến đường thôn Đại Thủy đi thôn hữu lộc), xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia (đất trồng lúa tính BS)	xã Trúc Lâm	2020	2020	3,500	1,400	2,100	3,500	1,400	2,100	788	788		2,712	612	2,100	500	500	
2	Xây dựng công tiêu Đập Gỗ xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia	xã Thanh Sơn	2020	2020	650	450	200	650	450	200	300	300		350	150	200	120	120	
3	Xây dựng kênh tưới xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Trường Lâm	2020	2020	1,100	700	400	1,100	700	400	400	400		700	300	400	240	240	
4	Kênh tưới tiếp nước từ hồ Khe Dẻ xã Phú Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Phú Lâm	2020	2020	2,200	2,000	200	2,200	2,000	200	702	702		1,498	1,298	200	1,000	1,000	
e	Công sở xã, phường																		
II3	Dự án chuyển tiếp				27,231	12,800	14,431	17,175	7,175	10,000	2,800	3,600	0	23,731	10,000	13,731	7,130	7,130	0
a	Lĩnh vực giáo dục				20,231	7,900	12,331	14,725	5,460	9,265	2,800	3,600	0	16,731	5,100	11,631	3,730	3,730	0
1	Trường mầm non xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, hạng mục: Nhà lớp học 2T-10P và các hạng mục phụ trợ.	xã Hải Châu	2020	2020	8,300	4,000	4,300	5,810	2,800	3,010	1,800	1,800		6,500	2,200	4,300	1,700	1,700	
2	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia	xã Xuân Lâm	2020	2020	5,341	1,800	3,541	3,739	1,260	2,479	1,000	1,000		4,341	800	3,541	560	560	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó			
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT		
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác					
3	Trường mầm non xã Trúc Lâm, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	xã Trúc Lâm	2020	2020	4,700	1,400	3,300	4,700	1,400	3,300				800		3,900	600	3,300	420	420	
4	Trường mầm non Ngọc Lĩnh (Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng)	xã Ngọc Lĩnh	2017	2018	1,890	700	1,190	476		476	0					1,990	1,500	490	1,050	1,050	
b	Công sở xã, phường				7,000	4,900	2,100	2,450	1,715	735	0	0	0	0	0	7,000	4,900	2,100	3,400	3,400	0
1	Xây dựng công sở xã Định Hải, huyện Tĩnh Gia	xã Định Hải	2020	2021	7,000	4,900	2,100	2,450	1,715	735	0	0	0	0	0	7,000	4,900	2,100	3,400	3,400	
II4	Dự án đầu tư mới				148,842	85,130	63,712	0	0	0	0	0	0	0	0	148,242	85,130	63,112	59,460	59,460	0
a	Lĩnh vực giáo dục				58,330	33,410	24,920	0	0	0	0	0	0	0	0	58,330	33,410	24,920	23,280	23,280	0
1	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và xây mới khu vệ sinh học sinh Trường THCS xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn	xã Trường Lâm	2021	2021	1,800	1,250	550									1,800	1,250	550	850	850	
2	Nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non xã Tùng Lâm, thị xã Nghi Sơn	xã Tùng Lâm	2021	2021	1,900	1,500	400									1,900	1,500	400	1,050	1,050	
3	Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục Trường THCS Tùng Lâm, thị xã Nghi Sơn	xã Tùng Lâm	2021	2021	2,500	1,750	750									2,500	1,750	750	1,230	1,230	
4	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường tiểu học xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn	xã Phú Lâm	2021	2021	1,900	1,300	600									1,900	1,300	600	900	900	
5	Nhà bếp ăn và khuôn viên trường mầm non khu A xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Các Sơn	2021	2021	2,300	1,600	700									2,300	1,600	700	1,150	1,150	
6	Xây mới nhà hiệu bộ Trường THCS Anh Sơn, xã Anh Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Anh Sơn	2021	2021	3,200	2,200	1,000									3,200	2,200	1,000	1,550	1,550	
7	Nhà hiệu bộ Trường mầm non phường Hải Châu, thị xã Nghi Sơn	P. Hải Châu	2021	2021	2,620	1,310	1,310									2,620	1,310	1,310	910	910	
8	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Thanh Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Thanh Sơn	2021	2021	7,500	3,750	3,750									7,500	3,750	3,750	2,600	2,600	
9	Sửa chữa nhà lớp học 6 phòng Trường Mầm non xã Thanh sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Thanh Sơn	2021	2021	1,200	600	600									1,200	600	600	420	420	
10	Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường tiểu học Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn	P. Hải Ninh	2021	2021	6,500	3,250	3,250									6,500	3,250	3,250	2,250	2,250	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lấy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
11	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và khuôn viên trường Tiểu học Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Nghi Sơn	2021	2021	1,200	1,200	0						1,200	1,200	0	840	840		
12	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và sửa chữa, cải tạo một số hạng mục trường THCS xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	xã Định Hải	2021	2021	5,680	4,000	1,680						5,680	4,000	1,680	2,800	2,800		
13	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường mầm non phường Hải Lĩnh, thị xã Nghi Sơn	P. Hải Lĩnh	2021	2021	5,080	1,500	3,580						5,080	1,500	3,580	1,000	1,000		
14	Các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Phú Sơn	2021	2021	1,250	850	400						1,250	850	400	600	600		
15	Sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình Trường THCS xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Phú Sơn	2021	2021	1,300	900	400						1,300	900	400	630	630		
16	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học phường Ninh Hải, thị xã Nghi Sơn.	P. Ninh Hải	2021	2021	6,900	2,000	4,900						6,900	2,000	4,900	1,400	1,400		
17	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và 3 phòng chức năng Trường Tiểu học Hải Ninh	P. Hải Ninh	2021	2021	1,500	950	550						1,500	950	550	650	650		
18	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS và xây mới nhà vệ sinh Trường Tiểu học Hải Lĩnh	P. Hải Lĩnh	2021	2021	1,200	900	300						1,200	900	300	630	630		
19	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học Tĩnh Hải	P. Tĩnh Hải	2021	2021	1,000	800	200						1,000	800	200	560	560		
20	Sửa chữa nhà lớp học 1 tầng 6 phòng Trường Mầm non Tĩnh Hải	P. Tĩnh Hải	2021	2021	800	800							800	800	0	560	560		
21	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và nhà ăn Trường mầm non Nghi Sơn	xã Nghi Sơn	2021	2021	500	500							500	500	0	350	350		
22	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Nghi Sơn	xã Nghi Sơn	2021	2021	500	500							500	500	0	350	350		
b	Lĩnh vực văn hóa				9,582	4,380	5,202	0	0	0	0	0	9,582	4,380	5,202	3,070	3,070	0	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình Làng Bài xã Anh Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Anh Sơn	2021	2021	1,530	1,050	480						1,530	1,050	480	730	730		
2	Sân vận động thể thao phường Hải Lĩnh, thị xã Nghi Sơn	P. Hải Lĩnh	2021	2021	6,000	1,800	4,200						6,000	1,800	4,200	1,260	1,260		
3	Sân vận động thể thao phường Tĩnh Hải, thị xã Nghi Sơn	P. Tĩnh Hải	2021	2021	1,390	980	410						1,390	980	410	690	690		
4	Hệ thống loa truyền thanh thôn Tây Sơn, thôn Bắc Sơn, thôn Bình Sơn xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Phú Sơn	2021	2021	362	300	62						362	300	62	210	210		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
5	Nâng cấp, tu sửa hệ thống Đài truyền thanh xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Các Sơn	2021	2021	300	250	50							300	250	50	180	180	
c	Lĩnh vực môi trường				6,600	4,550	2,050	0	0	0	0	0	0	6,600	4,550	2,050	3,150	3,150	0
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước mưa, nước thải xử lý môi trường tại phường Hải Thanh (chiều dài 2,5km)	P. Hải Thanh	2021	2021	3,800	2,600	1,200	0			0			3,800	2,600	1,200	1,800	1,800	
2	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước, chính trang đô thị tại phường Hải Ninh (1,5 km)	P. Hải Ninh	2021	2021	2,800	1,950	850	0			0			2,800	1,950	850	1,350	1,350	
d	Lĩnh vực giao thông				39,450	26,380	13,070	0	0	0	0	0	0	38,850	26,380	12,470	18,460	18,460	0
1	Cầu khe Các, xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Các Sơn	2021	2021	3,200	2,200	1,000							3,200	2,200	1,000	1,550	1,550	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Hồng Phong, thôn Hồng Quang, xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	xã Định Hải	2021	2021	3,000	2,100	900							3,000	2,100	900	1,450	1,450	
3	Dự án nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Hải Nhân đi Định Hải, xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn (2,3km)	xã Hải Nhân	2021	2021	5,000	3,500	1,500							5,000	3,500	1,500	2,450	2,450	
4	Đường giao thông liên xã Ngọc Lĩnh - Anh Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Ngọc Lĩnh	2021	2021	1,300	1,300	0							1,300	1,300	0	900	900	
5	Tuyến đường giao thông nội đồng từ thôn 9 xã Ngọc Lĩnh đi thôn 5 phường Hải An, xã Ngọc Lĩnh, thị xã Nghi Sơn	xã Ngọc Lĩnh	2021	2021	2,000	1,400	600							2,000	1,400	600	980	980	
6	Nâng cấp đường 2B đoạn từ đường Mỏ Sét đến đường Đông Tây 4, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn	xã Trường Lâm	2021	2021	3,900	2,700	1,200							3,900	2,700	1,200	1,900	1,900	
7	Cầu khe ông Hường, xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Phú Sơn	2021	2021	2,600	1,800	800							2,600	1,800	800	1,260	1,260	
8	Nâng cấp tuyến đường giao thông đoạn từ công chào đến hầm chui đường Nghi Sơn - sao Vàng, phường Nguyễn Bình, thị xã Nghi Sơn.	P. Nguyễn Bình	2021	2021	6,000	2,000	4,000							6,000	2,000	4,000	1,400	1,400	
9	Hỗ trợ kinh phí xây dựng Cầu Hung phường Nguyễn Bình, thị xã Nghi Sơn	P. Nguyễn Bình	2021	2021	1,000	1,000								1,000	1,000		700	700	
10	Hỗ trợ xây dựng đường giao thông thôn Đông Thăng, phường Hải Châu, thị xã Nghi Sơn.	P. Hải Châu	2021	2021	1,200	600	600							600	600		420	420	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
11	Đường giao thông phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, đoạn từ: Đoạn từ thôn Thanh Cao đi xóm 2 thôn Hồng Phong và tuyến đường giao thông thôn Hưng Sơn, phường Hải Ninh thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	P. Hải Ninh	2021	2021	3,000	2,000	1,000							3,000	2,000	1,000	1,400	1,400	
12	Đường giao thông từ đường liên xã thôn 2 đi đê biển. phường Hải An, thị xã Nghi Sơn	P. Hải An	2021	2021	2.100	1.400	700							2,100	1,400	700	980	980	
13	Các tuyến đường giao thông phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn.	P. Mai Lâm	2021	2021	2,600	2,600								2,600	2600		1,820	1,820	
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ thôn Kiều, xã Anh Sơn đi xã Thanh Sơn, thị xã Nghi Sơn	xã Anh Sơn	2021	2021	2,550	1,780	770							2,550	1780	770	1,250	1,250	
d	Lĩnh vực thủy lợi				15,200	9,380	5,820	0	0	0	0	0	0	15,200	9,380	5,820	6,590	6,590	0
1	Kênh mương tưới, tiêu nội đồng xã Thanh Thủy, thị xã Nghi Sơn	xã Thanh Thủy	2021	2021	3,700	2,600	1,100							3,700	2,600	1,100	1,820	1,820	
2	Kênh tưới nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Anh Sơn (đồng Côi thôn Kiều, cồn Nhóm thôn Xuân Thắng, cồn Chùa thôn Cổ Trinh), thị xã Nghi Sơn	xã Anh Sơn	2021	2021	2,000	1,400	600							2,000	1,400	600	980	980	
3	Nạo vét lòng hồ khe Râm và kênh mương tưới tự đập khe Râm đi nhà văn hóa thôn 8 xã Định Hải	xã Định Hải	2021	2021	1,800	1,250	550							1,800	1,250	550	880	880	
4	Tuyến mương tiêu thoát lũ đoạn từ nhà ông Minh đến nhà bà Bảy thôn Sa Thôn 4, phường Xuân Lâm, thị xã Nghi Sơn	P. Xuân Lâm	2021	2021	3,500	1,750	1,750							3,500	1,750	1,750	1,220	1,220	
5	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa cống T1, T2 trên tuyến đê sông Bạng nân mặn và tiêu thoát lũ tại địa bàn phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn (thị xã hỗ trợ xây lắp)	P. Trúc Lâm	2021	2021	800	680	120							800	680	120	500	500	
6	Kiến cổ hóa các tuyến kênh tưới, tiêu thôn Sơn Hạ và thôn Trung Thành, xã Thanh Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Thanh Sơn	2021	2021	3,400	1,700	1,700							3,400	1,700	1,700	1,190	1,190	
e	Công sở xã, phường				19,680	7,030	12,650	0	0	0	0	0	0	19,680	7,030	12,650	4,910	4,910	0
1	Xây dựng mới Công sở và khuôn viên phường Hải Lĩnh, thị xã Nghi Sơn	P. Hải Lĩnh	2021	2021	7,930	2,380	5,550							7,930	2,380	5,550	1,660	1,660	
2	Xây dựng công sở phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn	P. Trúc Lâm	2021	2021	6,800	1,700	5,100							6,800	1,700	5,100	1,200	1,200	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
3	Các hạng mục phụ trợ Công sở xã Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn.	xã Nghi Sơn	2021	2021	4,300	2,300	2,000						4,300	2,300	2,000	1,600	1,600		
4	Xây dựng công, tường rào và sân bê tông UBND xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn	xã Phú Lâm	2021	2021	650	650							650	650		450	450		
III	Chỉ thực hiện các chương trình, dự án khác của thị xã				52,400	48,185	4,215	7,700	3,555	4,145	2,405	200	2,205	47,555	45,615	1,940	43,955	43,955	0
1	Kinh phí quy hoạch, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa	Ban QLDA			1,000	1,000		0					1,000	1,000		1,000	1,000		
2	Hỗ trợ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế các xã theo đề án số 2428/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 (cả trả nợ), trong đó:	UBND xã, phường			7,840	3,625	4,215	7,700	3,555	4,145	2,405	200	2,205	5,295	3,355	1,940	3,355	3,355	0
*	<i>Trả nợ</i>				6,340	2,125	4,215	6,200	2,055	4,145	2,405	200	2,205	3,795	1,855	1,940	1,855	1,855	0
2.1	Cải tạo sửa chữa trạm y tế xã Hải An, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải An, thị xã Nghi Sơn), hỗ trợ 50%.	P. Hải An	2014	2015	820	410	410	730	365	365	565	200	365	165	165		165	165	
2.2	Sửa chữa và xây mới một số hạng mục Trạm y tế xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn). Hỗ trợ 50%.	P. Nguyên Bình	2020	2020	718	359	359	680	340	340	340		340	340	340		340	340	
2.3	Sửa chữa, cải tạo sân, tường rào trạm y tế cơ sở 2 phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn. Hỗ trợ 50%.	P. Hải Hòa	2020	2020	312	156	156	300	150	150	0			300	150	150	150	150	
2.4	Trạm y tế xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), mức hỗ trợ tối đa xây dựng mới theo đề án.	xã Hải Nhân	2019	2020	4,490	1,200	3,290	4,490	1,200	3,290	1,500		1,500	2,990	1,200	1,790	1,200	1,200	
*	<i>Hỗ trợ xã, phường thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia về y tế năm 2021</i>				1,500	1,500		1,500	1,500		0			1,500	1,500		1,500	1,500	
3	Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa các thôn	UBND xã, phường			5,000	5,000								5,000	5,000		5,000	5,000	
4	Kinh phí bồi thường GPMB các dự án do thị xã quản lý và kinh phí đối ứng các chương trình mục tiêu của TW, tỉnh.				18,500	18,500								18,500	18,500		18,500	18,500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức); giá trị quyết toán			Giá trị thực hiện khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo			Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo			Vốn còn thiếu			Kế hoạch vốn năm 2021	Trong đó	
			Khởi công	Hoàn thành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn đất	Nguồn SNKT
						NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác		NS thị xã	NS xã, phường, khác			
5	Chi lập quy hoạch và trích đo thửa đất				7,560	7,560	0	0	0	0	0	0	0	5,260	5,260	0	3,600	3,600	0
-	Kinh phí lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu thị xã Nghi Sơn.	Ban QLDA quy hoạch sử dụng đất			5,300	5,300								3,000	3,000		2,100	2,100	
-	Kinh phí trích đo địa chính thửa đất thuộc tài sản phục vụ công tác quản lý theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP.	UBND xã, phường			2,260	2,260								2,260	2,260		1,500	1,500	
6	Hỗ trợ chi phí quy hoạch cho các xã, phường sau dồn điền, đổi thửa	UBND xã, phường			2,000	2,000								2,000	2,000		2,000	2,000	
7	Kinh phí hỗ trợ các xã, phường xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đô thị	UBND xã, phường			5,000	5,000								5,000	5,000		5,000	5,000	
8	Ủy thác đầu tư cho NHCS cho vay	Ngân hàng chính sách			1,000	1,000								1,000	1,000		1,000	1,000	
9	Kinh phí hỗ trợ các công trình thiết yếu đảm bảo tiêu chí về đích nông thôn mới (xã Các Sơn và xã Thanh Sơn)	UBND xã			3,500	3,500								3,500	3,500		3,500	3,500	
10	Hỗ trợ kinh phí xây dựng chợ, cửa hàng an toàn thực phẩm và thường các xã đạt chuẩn an toàn thực phẩm	UBND xã			1,000	1,000								1,000	1,000		1,000	1,000	
B	DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ				15,000	15,000								15,000	15,000		15,000	15,000	